

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐẶNG MINH PHỤNG

**CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM
ĐOẠT TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TIỀN SĨ VÕ THỊ KIM OANH**

HÀ NỘI – 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	01
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỐI TƯỢNG CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN	08
1.1. Khái niệm, đặc điểm của đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	08
1.2. Ý nghĩa của đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	15
1.3. Phân loại đối tượng chứng minh.....	21
1.4. Cơ sở của quy định đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	23
Chương 2:QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ĐỐI TƯỢNG CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN	26
2.1. Quy định của pháp luật tổ tụng hình sự về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ năm 1945 đến trước 1988.....	26
2.2. Quy định của Bộ luật tổ tụng hình sự năm 1988 và Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003 về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	27
2.3. Quy định của Bộ luật TTHS 2015 về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	30
Chương 3: ĐỐI TƯỢNG CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU TRA	46
3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn thành phố hồ chí minh và giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra.....	46
3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	68
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chứng minh trong trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự có vai trò hết sức quan trọng, bởi nếu thực hiện tốt giai đoạn này thì sẽ là cơ sở đảm bảo cho những giai đoạn tố tụng còn lại đúng theo luật định, đảm bảo tính hiệu quả của pháp luật nói chung và Luật tố tụng hình sự nói riêng.

Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điều 174. Phần các tội xâm phạm sở hữu Bộ luật Hình sự năm 2015. Đây là loại tội phạm phổ biến, thường xuyên xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là trong giai đoạn đất nước ta đang đẩy mạnh hội nhập để phát triển kinh tế đất nước, song song với hoạt động trao đổi, giao thương thì các hoạt động lợi dụng thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản cũng theo đó gia tăng khiến cho tình hình trật tự an toàn xã hội ngày càng phức tạp.

Công tác điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng trong những năm qua đã có nhiều kết quả tốt, nhằm thực hiện tốt công tác phòng chống tội phạm, đặc biệt là Cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh, trong hoạt động điều tra vụ án hình sự đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận như, nhanh chóng điều tra khám phá, truy tố, xét xử vụ án đúng trình tự thủ tục pháp luật, tỉ lệ phá án đạt cao, bắt giữ nhiều đối tượng phạm tội, thu hồi và trao trả một số lượng lớn tài sản cho người bị hại trong vụ án.

Bên cạnh những mặt tích cực thì còn nhiều vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh tồn tại sai sót trong hoạt động chứng minh của các cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là trong giai đoạn điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng sai sót đó là việc xác định không đầy đủ và đúng đắn những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đây cũng là nguyên nhân phổ biến nhất dẫn đến việc trả hồ sơ đề nghị

điều tra bổ sung hoặc dẫn đến đình chỉ vụ án, nghiêm trọng hơn là dẫn đến việc kết tội oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Mặt khác, việc quy định đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự còn nhiều bất cập khiến cho Cơ quan điều tra gặp khó khăn trong áp dụng điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Từ đó, có thể thấy rằng việc tuân thủ chặt chẽ quy định của luật TTHS về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự, làm cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp điều tra khám phá vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản là điều hết sức quan trọng nếu không thực hiện đúng sẽ vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của cơ quan nhà nước, gây dư luận xấu, làm giảm niềm tin của nhân dân vào các cơ quan tiến hành tố tụng.

Việc nghiên cứu, đánh giá về mặt lý luận và thực tiễn của đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thực trạng quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về đối tượng chứng minh, thực tiễn hoạt động điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản có liên quan đến đối tượng chứng minh tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện về mặt lập pháp cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn là vấn đề mang tính cấp thiết, đó là nguyên nhân tác giả chọn thực hiện đề tài **“Chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn Thạc sĩ Luật học chuyên ngành luật Hình sự và Tố tụng hình sự của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề chứng minh trong tố tụng hình sự đã có nhiều sách chuyên khảo và đề tài nghiên cứu về nó; Ví dụ: Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự của Học viện khoa học xã hội, Giáo trình luật Tố tụng hình sự Việt Nam của trường Đại học Luật Hà Nội, giáo trình luật Tố tụng hình sự

Việt Nam của trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. Sách chuyên khảo “Chế định chứng cứ trong luật Tố tụng hình sự Việt Nam” của tác giả Trần Quang Tiệp, tái bản năm 2009, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội. Các tài liệu trên có đề cập đến vấn đề chứng minh trong tố tụng hình sự, tuy nhiên chỉ là đề cập chung chung, nêu vấn đề để học viên hình dung về các hoạt động chứng minh chứ chưa nghiên cứu vấn đề đối tượng chứng minh một cách độc lập, sâu sắc. Ngoài ra còn có các sách tham khảo như: Sách tham khảo “Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự” của tác giả Đỗ Văn Dương, xuất bản năm 2006, Nxb Tư Pháp, Hà Nội. Sách tham khảo “Chứng minh trong tố tụng hình sự - những vấn đề lý luận và thực tiễn” của tác giả Nguyễn Duy Thuần, xuất bản năm 2000, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Hai tài liệu tham khảo này có đi vào nghiên cứu chuyên sâu hơn những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự, tuy nhiên chưa đi sâu vào nghiên cứu vấn đề chứng minh đối với một tội phạm cụ thể, trên địa bàn cụ thể.

Qua tìm hiểu, có 2 đề tài nghiên cứu về vấn đề chứng minh trong tố tụng hình sự đó là đề tài: **“Hoạt động chứng minh của tòa án trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”** của học viên cao học Nguyễn Thanh Vân – học viên cao học khóa V đợt 1 năm 2014 Học viện khoa học xã hội chọn làm đề tài nghiên cứu. Đề tài: **“ Đối tượng chứng minh trong các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Lâm Đồng”** của học viên cao học Nguyễn Chí Khuê – học viên cao học khóa V đợt 1 năm 2014 chọn làm đề tài nghiên cứu. Tuy nhiên 02 đề tài trên có phạm vi nghiên cứu không trùng lặp với đề tài tác giả đang nghiên cứu.

Như vậy, có thể nói, việc nghiên cứu vấn đề “Chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh” là vấn đề cấp thiết và không trùng lặp với các đề tài đã nghiên cứu trước đó.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn một vấn đề cụ thể của hoạt động chứng minh, đó là đối tượng chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản để tìm ra những bất cập, tồn tại, nguyên nhân của những bất cập, tồn tại đó trên phương diện thực tiễn áp dụng cũng như trong luật định.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn cần tập trung giải quyết những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Phân tích, làm rõ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong đó nghiên cứu sơ lược các chế định về vấn đề này qua từng thời kỳ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng việc chứng minh trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, những bất cập, tồn tại giữa quy định và thực tiễn, rút ra những nguyên nhân của những hạn chế liên quan đến đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Đưa ra hệ thống giải pháp về việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng hình sự cũng như một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định đối tượng chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong thời gian tới ở Việt Nam nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn của đối tượng chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu: Hoạt động chứng minh trong vụ án hình sự bao gồm nhiều vấn đề đó là những vấn đề: đối tượng chứng minh; nghĩa vụ chứng minh; quá trình chứng minh; phạm vi và giới hạn chứng minh, trong khuôn khổ luận văn tác giả không thể nghiên cứu chuyên sâu tất cả những vấn đề trên, do đó luận văn chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu dưới góc độ khoa học luật TTHS các vấn đề cần chứng minh được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự nói chung từ đó rút ra được những vấn đề phải chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Nghiên cứu những bất cập giữa lý luận và thực tiễn, từ đó đề ra những giải pháp khắc phục.

- Phạm vi địa bàn nghiên cứu: đề tài nghiên cứu những vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các cấp thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

- Phạm vi thời gian nghiên cứu: những vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn nghiên cứu từ năm 2011 đến hết năm 2015

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngoài ra luận văn còn được nghiên cứu dựa trên lý luận cơ bản của khoa học Luật Hình sự, luật Tố tụng Hình sự,

khoa học điều tra hình sự, các kinh nghiệm thực tiễn từ các hồ sơ, tài liệu tổng kết, hội thảo về chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: sử dụng để nghiên cứu các công trình khoa học có liên quan, các văn bản pháp lý, các báo cáo sơ kết, tổng kết.

- Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh số liệu: sử dụng để khảo sát thực tế và thống kê thực trạng chứng minh trong điều tra vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả của hoạt động trên.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: để thu thập thông tin từ một số vụ án điển hình trên địa bàn nghiên cứu trong phạm vi thời gian nghiên cứu.

- Phương pháp chuyên gia: sử dụng để tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, các cán bộ thực tiễn, các chuyên gia nghiên cứu về những vấn đề có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Với kết quả đạt được của luận văn có thể đóng góp vào lý luận chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản dưới góc độ pháp luật Tố tụng hình sự và đưa ra cơ sở khoa học của việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về đối tượng chứng minh trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho những người làm công tác thực tiễn điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật tố tụng hình sự. Ngoài ra luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho những người làm công tác pháp luật, học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Chương 2: Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Chương 3: Đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh và giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỐI TƯỢNG CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

1.1. Khái niệm, đặc điểm của đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1.1.1. Khái niệm đối tượng chứng minh trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Toàn bộ thực tiễn khách quan là đối tượng nhận thức của con người nhằm tìm ra những quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Mỗi lĩnh vực hoạt động nhận thức có một đối tượng nhận thức riêng. Chứng minh trong vụ án hình sự là quá trình nhận thức làm sáng tỏ nội dung vụ án và các tình tiết có liên quan đến vụ án. Mục đích cuối cùng của việc nhận thức này cũng chính là phục vụ cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, thực hiện công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là tổng hợp những vấn đề chưa biết nhưng cơ quan tiến hành tố tụng cần phải biết để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

Trong các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, việc xác định đối tượng nhận thức có ý nghĩa hết sức quan trọng, vì nó xác định mục tiêu mà tri thức con người phải đạt tới. Đối với vụ án hình sự, việc xác định đối tượng nhận thức hay đối tượng chứng minh lại càng có ý nghĩa quan trọng hơn, vì nếu xác định không đúng đối tượng chứng minh, hoạt động điều tra, truy tố, xét xử sẽ bị lệch hướng, lãng phí công sức, tiền của vào việc xác minh những tình tiết không có liên quan đến vụ án, nhưng lại bỏ sót những tình tiết có ý nghĩa quan trọng đối với việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

Đối với mỗi vụ án khác nhau, đối tượng, phạm vi yêu cầu chứng minh khác nhau, tuy nhiên mọi tội phạm đều có những đặc điểm chung, quy luật chung được khái quát thành những vấn đề chung nhất mà cơ quan tiến hành tố tụng thường phải chứng minh trong bất kỳ vụ án nào. Ví dụ: Có hành vi phạm tội xảy ra không, thời gian, địa điểm, những tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện tội phạm, có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; người thực hiện hành vi nguy hiểm có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; tính chất mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Trong luật TTHS còn quy định nội dung chứng minh có thể bao gồm những tình tiết khác có liên quan đến vụ án, tùy thuộc vào từng tội phạm cụ thể. Hoặc những tình tiết chỉ phải chứng minh khi phát sinh những hoạt động tố tụng có liên quan, ví dụ căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam.

Quá trình giải quyết vụ án hình sự đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng làm sáng tỏ bản chất vụ án và những vấn đề có liên quan đến vụ án, gồm rất nhiều vấn đề khác cụ thể, những vấn đề này là cơ sở xác định tội phạm, trách nhiệm hình sự cũng như việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Để chứng minh được những điều đó, trong giai đoạn điều tra thì Cơ quan điều tra phải tiến hành thu thập chứng cứ, sử dụng chứng cứ để làm sáng tỏ các vấn đề trong vụ án, những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự được gọi là đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự.

Đối với mỗi vụ án cụ thể, có rất nhiều tình tiết có ý nghĩa chứng minh nhằm mục đích giải quyết đúng đắn vụ án, giúp xác định đường lối xử lý vụ án hoặc giúp làm căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn, tuy nhiên có những tình tiết mặc dù diễn ra nhưng không có ý nghĩa gì đối với vụ án. Ví dụ: trong vụ án Nguyễn Văn A sử dụng sợi dây chuyền giả mang ra tiệm vàng để bán thì các tình tiết như Nguyễn Văn A đã có hành vi gì

để lừa bán sợi dây chuyền vàng giả, số tiền mà A chiếm đoạt là bao nhiêu, A có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự hay không .v.v... là những tình tiết có giá trị làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Những tình tiết như: khi gây án A đi đôi dép màu gì, A mặc quần áo như thế nào khi gây án là những tình tiết không có ý nghĩa đối với việc chứng minh vụ án, cũng như không ảnh hưởng đến việc kết luận hành vi phạm tội của A và việc xử lý đối với A. Như vậy, có thể thấy trong chứng minh trong điều tra vụ án hình sự nói chung, vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng. Cơ quan điều tra phải xác định được những tình tiết nào cần phải chứng minh, nó có ý nghĩa như thế nào trong giải quyết vụ án để thu thập chứng cứ chứng minh, ngược lại phải bỏ qua những vấn đề không có ý nghĩa chứng minh trong vụ án, tránh vấn đề thu thập thông tin từ vụ án một cách tràn lan, gây lãng phí về thời gian và tiền của một cách không cần thiết.

Trên thực tế, vụ việc phạm tội xảy ra đa dạng, phong phú về tính chất, mức độ, hoàn cảnh .v.v... tuy nhiên mọi tội phạm đều có bản chất chung và việc giải quyết vụ án hình sự, xử lý tội phạm đều có những nguyên tắc chung, vì vậy ta có thể rút ra được những vấn đề chung nhất mà khi giải quyết vụ án hình sự nào cũng phải chứng minh, đó là những vấn đề thuộc bản chất vụ án, những vấn đề liên quan đến việc xác định TNHS của người phạm tội, những vấn đề phải chứng minh này được quy định trong luật TTHS. Ngoài ra, luật TTHS còn quy định phải chứng minh những vấn đề khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án, tuy nhiên cũng còn tùy thuộc vào từng vụ án cụ thể mà đặt ra yêu cầu phải chứng minh những vấn đề cụ thể gì có liên quan đến giải quyết đúng đắn vụ án hình sự đó. Những vấn đề luật TTHS quy định bắt buộc phải chứng minh là giống nhau theo quy định của luật TTHS, nhưng những tình tiết cụ thể mà các tình tiết này cấu thành vấn đề chứng minh là khác nhau. Ví dụ: Đối với vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vụ án nào cũng phải chứng minh được hành

vi phạm tội đó là hành vi gì tuy nhiên ở mỗi vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác nhau thì hành vi đó là khác nhau, có thể là hành vi lừa bán vàng giả hoặc có thể là hành vi dùng giấy tờ giả mạo để bán nhà không cho nạn nhân.

Trong điều tra vụ án hình sự, ngoài việc thực hiện các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật không chỉ nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội mà còn nhằm đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Do đó, trong quá trình điều tra, chứng minh vụ án hình sự, Cơ quan điều tra phải làm rõ nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra cần phải chứng minh thêm: Nguyên nhân dẫn đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nạn nhân, do thiếu tiền tiêu xài hay do nguyên nhân khác; điều kiện phạm tội cần xác định xem tội phạm được thực hiện trong điều kiện hoàn cảnh nào, do nạn nhân cả tin, do lòng tham của nạn nhân .v.v... tất cả các yếu tố chứng minh trên phục vụ cho mục đích phòng chống và ngăn ngừa tội phạm mới xảy ra.

Nghiên cứu về khái niệm đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự cho thấy, Bộ luật TTHS không nêu khái niệm đối tượng chứng minh mà chỉ nêu những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự. Trong khoa học luật TTHS nhìn chung các nhà luật học có sự nhận thức thống nhất về bản chất của khái niệm đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự, nhưng quan điểm về cách thức thể hiện có sự khác nhau, có ba quan điểm chủ yếu về đối tượng chứng minh như sau:

Quan điểm thứ nhất, cho rằng: “Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là tất cả những vấn đề chưa biết nhưng cần phải biết để làm sáng tỏ bản chất của vụ án, trên cơ sở đó, cơ quan tiến hành tố tụng ra các quyết định phù hợp trong quá trình giải quyết vụ án hình sự”.

Quan điểm thứ hai, cho rằng: “Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là tổng hợp những sự kiện và tình tiết của vụ án phải được xác định bằng chứng cứ để vụ án được giải quyết đúng đắn”

Quan điểm thứ ba, cho rằng: “Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là tất cả những gì phải xác định bằng chứng cứ để giải quyết đúng đắn vụ án”

Tác giả đồng tình với quan điểm thứ hai vì nội hàm của khái niệm thể hiện được đầy đủ bản chất của đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự và đã có phân biệt sự kiện với tình tiết của vụ án.

Theo Đại từ điển tiếng Việt, sự kiện là : “sự việc quan trọng đã xảy ra”, còn tình tiết là : “sự việc nhỏ có quan hệ chặt chẽ trong diễn biến của câu chuyện”. Trong vụ án hình sự, sự kiện chủ yếu (hay sự kiện quan trọng) của đối tượng chứng minh ở đây chính là hành vi phạm tội và người thực hiện tội phạm, bởi nếu không có yếu tố này thì không có căn cứ khởi tố vụ án hình sự; những sự việc khác có mối quan hệ chặt chẽ với sự kiện chủ yếu của đối tượng chứng minh như lỗi của người thực hiện tội phạm, hình thức lỗi, động cơ, mục đích phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội .v.v... là những tình tiết của vụ án.

Qua nghiên cứu khái niệm đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự nói chung, có thể rút ra khái niệm đối tượng chứng minh trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tổng hợp những sự kiện và tình tiết của vụ án phải được Cơ quan điều tra xác định bằng chứng cứ để giải quyết đúng đắn vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1.1.2. Đặc điểm đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Qua nghiên cứu, đặc điểm đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự đó là:

Thứ nhất, đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự gồm tất cả những vấn đề của vụ án và liên quan đến vụ án nhưng chưa biết mà cơ quan tiến hành tố tụng cần phải biết. Hoạt động chứng minh là hoạt động nhận thức mà ở đó các chủ thể sẽ sử dụng các phương tiện để làm sáng tỏ sự thật khách quan, khẳng định tính đúng đắn của một vấn đề nào đó nhằm tìm ra chân lý. Như vậy, nếu hiểu theo cách này thì việc chứng minh trong TTHS là việc sử dụng phương tiện chứng minh để làm sáng tỏ tình tiết của vụ án hình sự. Hiểu cách khác, hoạt động chứng minh trong TTHS là việc xác định trên cơ sở chứng cứ chứng minh tất cả các sự kiện, tình tiết có ý nghĩa. Ở dạng chung nhất, đối tượng chứng minh thể hiện ở việc xác định cấu thành tội phạm, tiếp theo, đối tượng chứng minh được xác định bởi đường lối xử lý vụ án hình sự, việc thực hiện hay không thực hiện tội phạm, tính có lỗi hoặc tính không có lỗi trong thực hiện hành vi nguy hiểm. Hoạt động chứng minh phải được tiến hành bằng những phương pháp, với những phương tiện được quy định trong pháp luật TTHS. Tất cả các phương pháp, phương tiện chứng minh đó nhằm làm rõ sự thật những sự kiện, tình tiết chưa biết mà cơ quan tiến hành tố tụng phải biết, làm sáng tỏ.

Thứ hai, đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là những sự kiện, tình tiết cơ quan tiến hành tố tụng phải làm sáng tỏ, những vấn đề chưa biết đó được quy định trong luật TTHS. Mỗi vụ án hình sự xảy ra, có vô vàn sự kiện và tình tiết có liên quan, là cơ sở để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án hình sự, cũng có những sự kiện, tình tiết mặc dù thực tế xảy ra gắn liền với vụ án tuy nhiên sự kiện, tình tiết đó không hề có giá trị làm rõ sự thật khách quan của vụ án, cũng như không có giá trị làm căn cứ đường lối xử lý vụ án, hoặc giúp giải quyết vụ án hình sự một cách khách quan toàn diện. Vì vậy, phải xác định sự kiện, tình tiết nào cơ quan tiến hành tố

tụng cần chứng minh và sự kiện, tình tiết nào không cần chứng minh là hết sức cần thiết, nhằm tránh việc chứng minh một cách không khoa học, chứng minh tràn lan, chứng minh cả những vấn đề không cần thiết gây lãng phí thời gian và tiền bạc của Nhà nước. Vì vậy, mặc dù mỗi vụ án có những sự kiện, tình tiết phải chứng minh khác nhau nhưng chúng đều phải chứng minh những điểm căn bản như nhau đó là những vấn đề thuộc về cấu thành tội phạm, những vấn đề nhằm xác định trách nhiệm hình sự và hình phạt, những vấn đề khác có ý nghĩa giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, và những vấn đề này được quy định cụ thể trong luật TTHS.

Thứ ba, đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự mà luật TTHS quy định cần làm sáng tỏ là cơ sở để cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết đúng đắn vụ án và đề ra biện pháp phòng ngừa tội phạm. Hành vi tội phạm là hành vi trên thực tế đã xảy ra, hành vi đó các chủ thể tiến hành tố tụng chưa biết nhưng cần phải làm rõ và chứng minh, tất cả các hoạt động chứng minh đều nhằm mục đích làm rõ sự thật khách quan của vụ án hình sự, mục đích đó suy cho cùng là nhằm giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, chứng minh hành vi đó có phải tội phạm hay không để có căn cứ khởi tố vụ án hình sự hoặc không khởi tố vụ án hình sự, chứng minh ai là người thực hiện hành vi nguy hiểm, có lỗi hay không có lỗi, người đó có đủ năng lực trách nhiệm hình sự không để làm căn cứ khởi tố bị can, từ đó có các biện pháp giải quyết vụ án phù hợp. Ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự, xác định đúng đối tượng là căn cứ xử lý đúng đắn vụ án không những ở giai đoạn điều tra mà còn ở những giai đoạn tiếp theo như truy tố, xét xử. Nếu xác định sai đối tượng chứng minh sẽ có ảnh hưởng đến toàn bộ những quá trình sau đó. Việc xác định đúng đối tượng chứng minh và chứng minh đầy đủ những sự kiện, tình tiết cần thiết còn giúp cho việc nghiên cứu, phân tích từ đó đề ra các giải pháp phòng ngừa tội phạm hiệu quả.

Đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản có đầy đủ các đặc điểm như đã nêu ở trên, ngoài ra, theo tác giả, đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo còn có thêm những đặc điểm sau đây:

Đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản gắn liền với việc Cơ quan điều tra phải chứng minh hành vi gian dối của người phạm tội. Phải làm rõ phương thức, thủ đoạn của người phạm tội. Do đặc điểm đặc trưng trong cấu thành tội phạm thuộc mặt khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt đó chính là hành vi gian dối, hành vi gian dối là những hành vi đưa ra thông tin không đúng sự thật, khiến cho chủ tài sản tin vào điều đó mà giao tài sản cho người phạm tội. Để chứng minh được hành vi gian dối thì phải làm rõ phương thức, thủ đoạn của người phạm tội. Có thể nói đây là vấn đề bắt buộc trong chứng minh tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản bắt buộc phải xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt là bao nhiêu bởi đây là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Không thể chứng minh được một người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nếu như không xác định được người đó chiếm đoạt tài sản có giá trị bao nhiêu, bởi điều luật quy định rõ các khung hình phạt căn cứ vào giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

1.2. Ý nghĩa của đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Việc xác định đúng và đầy đủ đối tượng chứng minh trên phương diện lý luận và thực tiễn có ý nghĩa quan trọng trên cả lĩnh vực xây dựng, hoàn thiện pháp luật cũng như áp dụng pháp luật TTHS nói chung và quy định của pháp luật TTHS về đối tượng chứng minh nói riêng.

1.2.1. Ý nghĩa trong lĩnh vực xây dựng pháp luật TTHS

Việc xác định đúng và đủ đối tượng chứng minh có ý nghĩa trong công tác xây dựng pháp luật TTHS thể hiện ở chỗ: đây là cơ sở để các cơ quan xây dựng pháp luật đưa vào nội dung quy định của luật TTHS một cách đầy đủ những vấn đề phải chứng minh trong quá trình tố tụng vụ án hình sự, đó là cơ sở pháp lý cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nhận thức một cách đầy đủ và thống nhất về đối tượng chứng minh, giúp cho việc giải quyết vụ án một cách đầy đủ, toàn diện, đạt chất lượng tốt và đảm bảo pháp chế. Bởi Nhà nước ta đang xây dựng là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước đề cao nguyên tắc pháp chế, pháp luật có tính tối thượng do đó tất cả các hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức hay cá nhân đều phải tuân theo luật pháp, cơ quan tiến hành TTHS không những phải tuân thủ nguyên tắc này mà còn phải tuân thủ một cách triệt để nhằm đảm bảo những vấn đề quan trọng khác như quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, quyền con người theo công ước quốc tế. Hoạt động TTHS tuân thủ những quy định của pháp luật TTHS do đó khi luật TTHS quy định đầy đủ và chặt chẽ những vấn đề phải chứng minh sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc thống nhất nhận thức giữa các cơ quan tiến hành tố tụng về việc xác định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án, đây là cơ sở cho việc giải quyết mọi vụ án. Nếu như luật TTHS không quy định những vấn đề phải chứng minh thì sẽ dẫn đến việc chứng minh không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng khi không xác định chính xác phải chứng minh những gì, ý nghĩa của việc chứng minh đó ra sao đối với việc giải quyết vụ án, khiến cho việc chứng minh sẽ tràn lan, có thể chứng minh cả những vấn đề không cần thiết, có khi lại bỏ sót những sự kiện, tình tiết quan trọng dẫn đến làm sai lệch bản chất vụ án, bỏ lọt tội phạm và nghiêm trọng hơn nữa là việc dẫn đến oan sai trong điều tra vụ án hình sự cũng như những hoạt động tố tụng khác.

Tuy nhiên, những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự bao gồm việc phải chứng minh rất nhiều sự kiện, tình tiết khác nhau, mỗi sự kiện, tình tiết đó có ý nghĩa chứng minh khác nhau đối với vụ án hình sự nên việc quy định bằng cách liệt kê hết các sự kiện, tình tiết phải chứng minh trong tất cả các vụ án là điều không thể. Mặt khác có những vấn đề cần phải chứng minh thuộc về bản chất của vụ án mà bất kỳ vụ án hình sự nào các cơ quan tiến hành tố tụng cũng phải chứng minh, còn có những vấn đề chỉ phải chứng minh trong những vụ án nhất định, tùy thuộc vào tính chất và hoàn cảnh của vụ án đó, hoặc tùy thuộc vào hoạt động tố tụng phát sinh trong vụ án đó. Việc nghiên cứu xác định đúng vai trò, vị trí của những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự hay còn gọi là đối tượng chứng minh giúp cho các cơ quan lập pháp tập hợp những tình tiết cốt yếu, quan trọng trong tất cả các vụ án như: những vấn đề thuộc yếu tố cấu thành tội phạm, những vấn đề ảnh hưởng đến việc xác định trách nhiệm hình sự hoặc những vấn đề khác giúp cho việc giải quyết đúng đắn vụ án sự để quy định nó trong một điều luật riêng biệt. Những vấn đề được quy định trong điều luật riêng biệt này có tính bắt buộc đối với cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết vụ án hình sự. Ví dụ như quy định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015. Việc quy định như vậy trong luật TTHS có ý nghĩa định hướng cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án xác định đúng và đầy đủ những vấn đề cần phải chứng minh. Trong quy định về đối tượng chứng minh cũng giúp xác định được ngoài việc chứng minh những vấn đề cốt lõi của vụ án còn phải xác định những vấn đề khác có liên quan mà cơ quan tiến hành tố tụng cần phải chứng minh.

Như vậy, trên lĩnh vực xây dựng pháp luật, việc xác định đúng đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự có ý nghĩa quan trọng để các cơ quan lập pháp hoàn thiện quy định của luật TTHS, đảm bảo cho việc

quy định trong pháp luật được đầy đủ, có logic, khoa học, thể hiện sự thống nhất toàn diện của tất cả những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự, cũng như tạo cơ sở pháp lý trong nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng về đối tượng chứng minh.

1.2.2. Ý nghĩa trong áp dụng pháp luật TTHS

Việc xây dựng pháp luật để quản lý tốt là điều quan trọng tuy nhiên pháp luật chỉ phát huy tác dụng quản lý khi pháp luật được áp dụng vào thực tiễn. Xây dựng được quy định đối tượng chứng minh là cơ sở để áp dụng vào thực tiễn, trong lĩnh vực áp dụng pháp luật TTHS hay cụ thể hơn là trong áp dụng giải quyết vụ án hình sự, việc xác định đúng, đủ những vấn đề cần phải chứng minh và vai trò của từng vấn đề có ý nghĩa như sau:

Xác định đúng những vấn đề phải chứng minh hay còn gọi là đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng có phương hướng, kế hoạch điều tra phù hợp, nhằm giải quyết vụ án một cách đúng đắn, nhanh chóng, kịp thời, giảm chi phí về tiền của, không phí phạm về thời gian điều tra. Việc nắm rõ những quy định của luật TTHS về những vấn đề phải chứng minh giúp cho người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá được tính chất, hoàn cảnh cụ thể của từng vụ án, để xác định được cần chứng minh những vấn đề gì, từ đó thu thập những chứng cứ phù hợp với từng vụ án cụ thể. Việc chứng minh phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật, bởi nguyên tắc pháp chế yêu cầu phải tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh và triệt để, việc quy định tại pháp luật cũng có ý nghĩa định hướng cho cơ quan tiến hành tố tụng phải làm gì trước mỗi vụ án khi mà lượng thông tin cần làm sáng tỏ vụ án là rất nhiều, chứng cứ cần thu thập là rất lớn. Pháp luật tố tụng hình sự quy định đối tượng chứng minh còn có ý nghĩa dự liệu cho cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh những vấn đề gì giúp giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Có thể nói, đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự được luật TTHS dự

liệu và quy định toàn bộ những vấn đề phải chứng minh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Chính vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng dựa trên quy định về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự và căn cứ vào những sự kiện, tình tiết đã xảy ra trên thực tế đối với từng vụ án để tiến hành những hoạt động cần thiết, có thể nói đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là cơ sở nhận thức để cơ quan tiến hành tố tụng biết được mình phải làm gì và mình không được làm gì. Từ đó lập ra kế hoạch, phương hướng điều tra phù hợp, không bỏ sót chứng cứ, không sa vào việc thu thập tràn lan chứng cứ từ đó giải quyết nhanh chóng vụ án hình sự, không bỏ lọt tội phạm.

Việc xác định đúng đối tượng chứng minh còn là cơ sở để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Thật vậy, từ quy định về đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng xác định được đầy đủ đối tượng chứng minh, xác định đầy đủ đối tượng chứng minh mới giải quyết hết những vấn đề vụ án đặt ra, đó là xác định được những vấn đề thuộc cấu thành tội phạm như: có tội phạm xảy ra hay không, ai là người phạm tội, có lỗi hay không .v.v... hoặc những vấn đề liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự như có tình tiết nào là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hay không làm căn cứ xác định mức hình phạt đối với người phạm tội, hoặc những vấn đề khác giúp giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Ví dụ: trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ở giai đoạn đầu tiên khi vụ án xảy ra, thông tin Cơ quan điều tra nhận được chỉ là những thông tin ban đầu, chưa có căn cứ kết luận tội phạm, vấn đề ở đây là xử lý thông tin này ra sao, các hoạt động phải làm tiếp theo là gì để giải quyết vụ án hình sự. Lúc này, Cơ quan điều tra, điều tra viên phải căn cứ trên quy định của luật TTHS về đối tượng chứng minh, xem xét cần phải chứng minh những gì, lúc này căn cứ vào quy định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 85 Bộ luật TTHS để xem mình

cần chứng minh những gì, đó chính là chứng minh những vấn đề thuộc cấu thành tội phạm như: Có hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra hay không, có thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản hay không, ai là người thực hiện hành vi gian dối để nhằm chiếm đoạt tài sản, người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đó có lỗi hay không, phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi gian dối ở đây là gì, người thực hiện hành vi lừa đảo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự hay không .v.v... và đặc biệt phải chứng minh được mức độ thiệt hại về mặt tài sản bị chiếm đoạt, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị bao nhiêu. Cơ quan điều tra cũng cần chứng minh những tình tiết khác như, người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có những tình tiết khác như tái phạm, phạm tội với hành vi, thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác hay không, có phạm tội đối với người dưới 16 tuổi hoặc người trên 70 tuổi hoặc phạm tội đối với phụ nữ có thai hay không .v.v... tất cả những vấn đề đó Cơ quan điều tra cần làm sáng tỏ.

Trường hợp xác định không đúng đối tượng chứng minh hoặc xác định không đầy đủ đối tượng chứng minh sẽ dẫn đến giải quyết vụ án hình sự thiếu khách quan, không đúng quy định của pháp luật, từ đó dẫn đến tình trạng làm oan người vô tội, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm quyền con người hoặc bỏ lọt tội phạm. Gây ra nhiều thiệt hại về vật chất và phí phạm thời gian khi các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện các hoạt động tố tụng mà không hiệu quả như: trả hồ sơ, điều tra bổ sung, hủy kết luận điều tra, xử lý oan sai .v.v...

Như vậy, trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì đối tượng chứng minh vừa có ý nghĩa là căn cứ góp phần hoàn thiện quy định về đối tượng chứng minh trong luật tố tụng hình sự vừa có ý nghĩa để Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản áp dụng vào quy định đó chứng minh vụ án một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Khắc phục những vấn đề tồn tại như oan sai, bỏ lọt tội phạm

đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, góp phần đảm bảo được uy tín của Cơ quan điều tra, tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật.

1.3. Phân loại đối tượng chứng minh

Dựa vào các tiêu chí khác nhau, có nhiều cách phân loại khác nhau về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự

Cách phân loại thứ nhất: Căn cứ vào vai trò của vấn đề phải chứng minh trong việc xác định trách nhiệm pháp lý đối với người bị buộc tội, có thể phân chia thành hai nhóm: nhóm những vấn đề phải chứng minh có tính chất buộc tội và nhóm những vấn đề chứng minh có tính chất gỡ tội. Nhóm những vấn đề phải chứng minh có tính chất buộc tội bao gồm: Những dấu hiệu cấu thành tội phạm, hình thức lỗi, phương thức, thủ đoạn phạm tội, những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Nhóm những vấn đề phải chứng minh có tính chất gỡ tội bao gồm: có hay không có tình tiết bác bỏ sự buộc tội đối với bị can, bị cáo, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, những tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự .v.v...

Cách phân loại thứ hai: Căn cứ vào vị trí, ý nghĩa của những vấn đề phải chứng minh trong mối quan hệ với việc giải quyết vụ án có thể phân loại những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự thành: Những vấn đề phải chứng minh nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm; Những vấn đề phải chứng minh nằm trong những tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt; Nhóm tình tiết khác có giá trị chứng minh đối với vụ án hình sự.

** Những vấn đề phải chứng minh nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm*

Những vấn đề phải chứng minh nằm trong yếu tố cấu thành tội phạm chính là chứng minh những vấn đề thuộc về mặt khách quan của tội phạm, khách thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm và chủ thể của tội phạm. Chứng minh vấn đề này là trả lời những vấn đề: Có hành vi phạm

tội xảy ra hay không, đó là hình vi phạm tội gì, do ai thực hiện tội phạm, người thực hiện tội phạm có lỗi hay không, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự hay không .v.v...

** Những vấn đề phải chứng minh nằm trong những tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt*

Những vấn đề phải chứng minh nằm trong những tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt bao gồm chứng minh những vấn đề: Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các tình tiết miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt; các tình tiết làm căn cứ loại trừ trách nhiệm hình sự.

** Nhóm tình tiết khác có giá trị chứng minh đối với vụ án hình sự*

Những tình tiết khác có giá trị chứng minh đối với vụ án hình sự là những tình tiết không nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm, đồng thời cũng không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt nói chung, nhưng lại có giá trị chứng minh nhất định đối với vụ án hình sự. Nếu chứng minh được các tình tiết đó sẽ giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đảm bảo đúng đắn, chính xác, khách quan và toàn diện.

Ví dụ: Mối quan hệ giữa người làm chứng hoặc Điều tra viên với bị can, bị cáo, người bị hại, người liên quan hoặc những tình tiết là căn cứ áp dụng các biện pháp tố tụng đối với người phạm tội.

Việc phân loại đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự có ý nghĩa không những cho ta thấy được toàn diện, đầy đủ những vấn đề cần phải chứng minh mà còn thấy được từng loại đối tượng chứng minh có vị trí, vai trò khác nhau trong vụ án hình sự. Từ đó giúp cho việc xác định đầy đủ và nhanh chóng đối tượng chứng minh cũng như phương hướng chứng minh phù hợp trong vụ án cụ thể. Tuy nhiên, việc phân loại đối tượng chứng minh chỉ mang tính chất tương đối, bởi có những vấn đề vừa thuộc loại đối

tượng chứng minh này, vừa thuộc loại đối tượng chứng minh kia. Ví dụ: trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chứng minh động cơ phạm tội vừa thuộc yếu tố cấu thành tội phạm nhưng nó cũng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội.

1.4. Cơ sở của quy định đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Việc quy định đối tượng chứng minh dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Phép biện chứng Mác –xít đã chỉ ra rằng, thế giới loài người đang tồn tại, sinh sống là thế giới vật chất, thế giới vật chất tồn tại độc lập với ý thức con người, con người dù muốn hay không thì nó vẫn tồn tại, thuộc tính của vật chất là thuộc tính phản ánh, thuộc tính phản ánh đó phản ánh vào trong bộ não người hình thành nên ý thức, có nghĩa là con người có khả năng nhận thức được thế giới đó, mọi sự kiện, vấn đề xảy ra và tồn tại trên thế giới này con người dù sớm hay muộn cũng sẽ nhận thức được. Do đó, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, mọi sự kiện đã xảy ra thì con người có khả năng nhận thức được, một hành vi phạm tội diễn ra, cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng các biện pháp, phương tiện của mình để xác định sự việc đó đã diễn ra như thế nào, các tình tiết ra sao, có thể tái hiện lại trong ý thức con người các tình tiết đó. Việc nhận thức được các tình tiết, sự kiện đã xảy ra trong một vụ án là vô cùng cần thiết, quyết định đến việc xử lý đúng đắn vụ án hình sự, vì thế, đối với mỗi vụ án hình sự xảy ra, ta phải nhận thức được tất cả những vấn đề có ý nghĩa làm sáng tỏ vụ án.

Mọi sự vật trên thế giới này xảy ra đều có mối quan hệ phổ biến với nhau, sự vật, hiện tượng này là cơ sở, tiền đề cho sự vật hiện tượng khác, không có sự vật, hiện tượng nào tồn tại biệt lập với các hiện tượng khác. Mặt khác, các sự vật hiện tượng xảy ra là vô cùng phong phú và đa dạng. Do đó, khi nghiên cứu xem xét các sự vật, hiện tượng đã xảy ra phải nghiên

cứu xem xét tất cả các yếu tố, bộ phận, khía cạnh của sự vật hiện tượng đó, tức là phải có quan điểm toàn diện khi xem xét vấn đề, tránh sự nhận xét một cách phiến diện, sai lầm khi đánh giá. Trong điều tra, chứng minh tội phạm cũng vậy, tội phạm bao gồm tổ hợp nhiều hành vi, sự kiện đã diễn ra, do đó khi xem xét, không thể chỉ căn cứ trên một sự kiện duy nhất để chứng minh tội phạm được, yêu cầu phải làm rõ nhiều mặt có liên quan, việc chứng minh làm rõ càng bao quát được nhiều vấn đề thì việc xử lý tội phạm càng chính xác, phù hợp với hoàn cảnh khách quan hơn.

Tội phạm là một hiện tượng xã hội, đồng thời cũng là một phạm trù pháp lý nên việc chứng minh nó phải được thực hiện bằng các biện pháp và trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Trong thực tiễn cũng như trong lý luận hiện nay có những quan điểm quá đề cao thực tiễn mà xem nhẹ các quy định của pháp luật về đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự. Có quan điểm cho rằng, quy định về đối tượng chứng minh chỉ là yếu tố chủ quan của nhà làm luật nên việc tuân theo hay không là quyền của người vận dụng. Thậm chí có người còn cho rằng những quy định đó chỉ là những thủ tục rắc rối, phiền hà hơn là tạo điều kiện khám phá vụ án. Những người theo quan điểm này thường xác định những vấn đề phải chứng minh theo kinh nghiệm của họ, dẫn đến việc chứng minh một cách không khoa học, không đầy đủ trong vụ án cụ thể.

Trên lĩnh vực lập pháp, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, các nhà lập pháp không thể liệt kê tất cả những vấn đề phải chứng minh trong mỗi tội phạm cụ thể. Để khắc phục những quan điểm sai lầm trên, thống nhất về mặt nhận thức và cũng là yêu cầu bắt buộc trong chứng minh vụ án hình sự, khoa học luật hình sự, luật tố tụng hình sự phải nghiên cứu, khái quát được đối tượng chứng minh chung trong vụ án hình sự bao gồm những gì để các cơ quan áp dụng pháp luật trong quá trình chứng minh căn cứ vào đó thực hiện nhiệm vụ chứng minh.

Để xác định được những vấn đề những vấn đề phải chứng minh bao gồm những gì thì cơ quan lập pháp dựa vào căn cứ pháp lý đó là:

Thứ nhất, căn cứ pháp lý thuộc quy định cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự, dựa vào đó các cơ quan xây dựng pháp luật quy định những vấn đề phải chứng minh bao gồm: Khách thể tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm

Thứ hai, các quy định về xác định trách nhiệm hình sự, căn cứ áp dụng hình phạt được quy định trong luật hình sự là căn cứ để cho cơ quan xây dựng pháp luật quy định đối tượng chứng minh gồm: những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt .v.v...

Thứ ba, những quy định khác trong luật hình sự, luật tố tụng hình sự về đối tượng chứng minh nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án, đây là quy định mở, bởi đối với mỗi vụ án khác nhau, những vấn đề phải chứng minh là khác nhau, việc quy định như vậy giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng có sự áp dụng sát với thực tiễn xảy ra của vụ án, do pháp luật không thể liệt kê hết tất cả các vấn đề cần phải chứng minh.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ĐỐI TƯỢNG CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ năm 1945 đến trước năm 1988

Sau ngày 02/9/1945, đất nước ta giành được độc lập, giai đoạn này nhiệm vụ cấp bách là bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền mới thành lập, bảo vệ nhân dân. Ngày 21/02/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 23-SL thống nhất các lực lượng Liêm phóng, Cảnh sát, Trinh sát, Quốc gia tự vệ cuộc trong toàn quốc thành "Việt Nam Công an vụ" sau đổi tên thành Thứ Bộ Công an, rồi Bộ Công an. Nhiệm vụ điều tra vụ án hình sự được giao cho lực lượng Công an. Giai đoạn này do tình hình cấp bách của đất nước, chưa có điều kiện ban hành Bộ luật tố tụng hình sự, do đó các sắc lệnh được Nhà nước ban hành nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu trước mắt. Sắc lệnh số 33-SL ngày 13/9/1945, sắc lệnh số 21/SL ngày 14/02/1946, trong đó lần đầu tiên ghi nhận một số nguyên tắc cơ bản của Tố tụng hình sự, xác định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có quy định thủ tục tiến hành điều tra vụ án hình sự. Việc chứng minh vụ án hình sự thông qua chế định chứng cứ, chứng cứ được ghi nhận ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật tố tụng hình sự nhưng mới chỉ xem xét ở một số khía cạnh nhất định, chưa có quy định về chứng minh và đối tượng chứng minh. Điều 9 Nghị định số 82/NĐ ngày 25/02/1946 của Bộ tư pháp ấn định chi tiết áp dụng Sắc lệnh số 21/SL ngày 14/02/1946 về tổ chức lại các Tòa án quân sự chỉ đề cập việc thu thập chứng cứ: "Mỗi khi xảy ra sự việc gì đó phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa thì bất kỳ ai cũng phải báo ngay cho Ty Liêm phóng hoặc

nhà chức trách địa phương biết. Ty Liêm phóng khi mở cuộc điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ, hỏi các người làm chứng. Ông giám đốc Liêm phóng có thể ký lệnh tạm giam bị cáo. Tất cả mọi hành động cứ phải vào biên bản, lập hồ sơ gửi lên công cáo các ủy viên”.

Tuy nhiên, pháp luật tố tụng hình sự ở giai đoạn này còn hạn chế ở chỗ việc điều tra vụ án hình sự chưa được quy định riêng. Các Tòa án binh đảm nhiệm cả việc điều tra, truy tố, xét xử, thậm chí là thi hành án, giáo dục và cải tạo phạm nhân. Do đó có thể nói, vấn đề đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản thời kỳ này chưa được đề cập cụ thể. Vào những năm tám mươi của thế kỷ XX, cùng với sự phát triển của khoa học luật tố tụng hình sự, khái niệm chứng cứ đã bắt đầu xuất hiện trong các sách báo pháp lý, là tiền đề cho quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự ra đời sau đó.

2.2. Quy định của Bộ luật TTHS năm 1988 và Bộ luật TTHS năm 2003 về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Ngày 28/6/1988, Bộ luật Tố tụng hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/1989. Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 được ban hành là một bước phát triển vượt bậc trong quá trình lập pháp. Bộ luật ra đời đã thể hiện sự phát triển về trình độ lập pháp, tạo điều kiện thực hiện chính sách hình sự một cách thống nhất trên toàn quốc, góp phần giải quyết tốt tình hình tội phạm.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 tiếp tục ghi nhận các nguyên tắc cơ bản của các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự trước đó, ngoài ra còn bổ sung các nguyên tắc mới, quy định mới nhằm đảm bảo hoạt động chứng minh trong vụ án hình sự được thuận lợi, phù hợp với xu thế phát triển mới của xã hội. Trong đó Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 dành hẳn một

chương để quy định về chứng cứ, trong đó cũng quy định các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự, quy định về chứng cứ, trình tự, thủ tục để thu thập chứng cứ. Trong Bộ luật đã quy định rõ những gì là chứng cứ và nguồn của chứng cứ để Cơ quan điều tra lấy đó làm căn cứ thực hiện chứng minh vụ án. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 cũng đã quy định thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra, do đó chủ thể chứng minh được xác định rõ ràng.

Cụ thể, tại Điều 47 Bộ luật TTHS năm 1988 quy định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự. Theo đó, đối tượng chứng minh tại điều luật bao gồm những vấn đề sau:

Phải chứng minh được những vấn đề thuộc cấu thành tội phạm như: có hành vi phạm tội xảy ra không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện tội phạm, có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý, có năng lực trách nhiệm hình sự hay không, động cơ, mục đích phạm tội.

Phải chứng minh các yếu tố nhằm xác định trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị can, bị cáo như: những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm của bị can, bị cáo, đặc điểm về nhân thân bị can, bị cáo; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Bộ luật TTHS năm 2003, đối tượng chứng minh được quy định tại Điều 63. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 căn bản vẫn giữ những quy định về chứng minh trong điều tra vụ án được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988. Chỉ có chỉnh sửa về mặt thuật ngữ để đảm bảo sự chính xác của điều luật, cụm từ “Những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm của bị can, bị cáo” sửa thành “Những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo”.

Như vậy, về cơ bản, Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 và Bộ luật TTHS năm 2003 đều quy định cụ thể những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự. Những vấn đề cần phải chứng minh đó bao gồm:

Những tình tiết thuộc yếu tố cấu thành tội phạm. Trong quá trình điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra phải chứng minh được các yếu tố bao gồm khách thể của tội phạm như: quan hệ xã hội nào bị xâm hại, có phải là quan hệ sở hữu về tài sản không, mức độ thiệt hại của tội phạm gây ra là bao nhiêu, giá trị tài sản cần phải được xác định bởi một con số cụ thể. Phải chứng minh yếu tố thuộc về mặt khách quan của tội phạm như: hành vi chiếm đoạt tài sản đó là hành vi gì, thời gian, địa điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản .v.v... Cơ quan điều tra cũng phải chứng minh được chủ thể của tội phạm: người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là ai, người đó có năng lực trách nhiệm hình sự hay không. Vấn đề nữa thuộc cấu thành tội phạm mà Cơ quan điều tra cần chứng minh theo quy định là mặt chủ quan của tội phạm như lỗi, động cơ, mục đích của người phạm tội.

Những tình tiết giúp cho việc xác định trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị can, bị cáo: đó là những tình tiết có ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, những tình tiết khiến cho hành vi phạm tội trở nên nguy hiểm hơn, khiến cho cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp xử lý nghiêm khắc hơn, ngược lại có những tình tiết giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bộ luật TTHS năm 1988 ra đời và Bộ luật Tố TTHS 2003 còn gián tiếp quy định những vấn đề khác phải chứng minh trong vụ án hình sự tùy theo điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng vụ án, những quy định đó nằm rải rác trong những điều luật khác như căn cứ bắt tạm giam, căn cứ để xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại .v.v...

Bộ luật TTHS năm 1988 ra đời và Bộ luật TTHS năm 2003 thay thế đã ngày càng hoàn thiện các quy định về đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự. Đây chính là căn cứ để Cơ quan điều tra xác định những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bộ luật TTHS năm 2003 qua quá trình áp dụng trên thực tiễn đã phát huy vai trò tích cực trong công tác tố tụng hình sự, là cơ sở để đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm, đặc biệt góp phần điều tra khám phá nhiều vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản có quy mô lớn, gây hậu quả nghiêm trọng, góp phần phòng ngừa tội phạm nảy sinh, giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, xã hội luôn vận động không ngừng, theo xu thế chung tội phạm và những vấn đề liên quan đến tội phạm cũng biến đổi theo. Qua thời gian tồn tại, ngoài mặt đạt được, những quy phạm pháp luật được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2013 cũng sẽ xuất hiện mâu thuẫn, đòi hỏi cần được nghiên cứu và hoàn thiện hơn.

2.3. Quy định của Bộ luật TTHS 2015 về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Bộ luật Tố tụng hình sự không có điều luật riêng quy định những vấn đề phải chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên căn cứ những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự quy định tại Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 và quy định tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, thì Cơ quan điều tra có thể căn cứ vào đó để xác định những vấn đề phải chứng minh khi điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2.3.1. Những vấn đề phải chứng minh nằm trong các yếu tố cấu thành tội phạm

2.3.1.1. Chứng minh mặt khách quan và khách thể của tội phạm

Khoản 1 Điều 85 quy định vấn đề đầu tiên phải chứng minh trong vụ án hình sự đó là: “*Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa*

điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội”. Đối chiếu với quy định cấu thành tội phạm, việc quy định chứng minh những vấn đề này chính là quy định chứng minh mặt khách quan và chứng minh khách thể của tội phạm.

“Mặt khách quan của tội phạm là mặt biểu hiện bên ngoài của tội phạm, là những biểu hiện của tội phạm ra thế giới khách quan, bao gồm: hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành động và không hành động), hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi đó gây ra, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội, công cụ, thủ đoạn, phương tiện phạm tội”[27, tr.131].

Trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra phải thu thập được chứng cứ chứng minh rằng, người thực hiện hành vi phạm tội có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản. Hành vi này được tạo thành bởi hai hành vi khác nhau, đó là hành vi dùng thủ đoạn gian dối và hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hai hành vi này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong đó hành vi gian dối là thủ đoạn, tiền đề để người phạm tội thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi gian dối ở tội phạm này thể hiện ở hành vi cố ý đưa ra thông tin không đúng sự thật nhằm làm cho chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản tin đó là thật và trao tài sản cho người có hành vi gian dối. Hành vi gian dối có thể được thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như bằng lời nói, bằng hành động, bằng việc sử dụng các giấy tờ giả mạo.v.v... người phạm tội có thể chỉ lựa chọn một hình thức nhưng cũng có thể kết hợp nhiều hình thức để đưa ra thông tin không đúng sự thật. Gắn với hành vi đưa ra thông tin không đúng sự thật là hành vi chiếm đoạt tài sản. Khi thực hiện hành vi gian dối, mục đích của người phạm tội đó là hướng tới làm cho chủ tài sản tin và giao tài sản cho mình sau đó chiếm đoạt bất hợp pháp.

Trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì việc chứng minh hậu quả thiệt hại về mặt tài sản là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm, đây là căn cứ định tội danh, định khung hình phạt. Quá trình điều tra phải chứng minh được tài sản chiếm đoạt có giá trị là bao nhiêu, đối với tài sản là tiền mặt thì có thể dễ dàng xác định, tuy nhiên đối với những tài sản khác như đồ vật, phương tiện, cổ vật có giá trị thì phải tiến hành định giá mới xác định được mức độ thiệt hại. Đối với vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nếu Cơ quan điều tra không chứng minh được giá trị tài sản bị thiệt hại là bao nhiêu thì không thể kết luận người đó phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Chứng minh được thời gian, địa điểm, hoàn cảnh xảy ra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mọi hành vi đều được diễn ra vào một thời gian nhất định, địa điểm ở đâu, hoàn cảnh như thế nào. Do đó, pháp luật tổ tụng hình sự quy định trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra phải xác định hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra khi nào, từ thời điểm nào đến thời điểm nào, từ mấy giờ đến mấy giờ thì chấm dứt, gắn với địa điểm xảy ra hành vi lừa đảo. Địa điểm xảy ra hành vi lừa đảo có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định được thẩm quyền giải quyết vụ án, bởi thông thường vụ án xảy ra trên địa bàn nào thì thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra trên địa bàn đó.

Chứng minh công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn tội phạm đã thực hiện để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngoài việc xác định hành vi phạm tội, thời gian địa điểm và hoàn cảnh gây án, theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra cũng phải chứng minh những tình tiết khác của hành vi phạm tội. Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra phải chứng minh người thực hiện hành vi lừa đảo đã thực hiện bằng công cụ, phương tiện gì, thủ đoạn ra sao để phạm tội. Đó có thể là nhiều công cụ, phương tiện khác nhau tùy thuộc vào từng vụ án cụ thể, phổ

biến trong thực tế là đối tượng lừa đảo đưa ra thông tin giả bằng lời nói, nói mình là người nhà của nạn nhân, có quyền hạn giải quyết trong lĩnh vực công việc nào đó, có trường hợp người phạm tội tạo dựng nên một tình huống khiến cho nạn nhân tin rằng đó là thật, để củng cố thêm lòng tin cho nạn nhân, người phạm tội có thể tạo ra một số giấy tờ giả mạo cung cấp cho nạn nhân, có trường hợp người phạm tội lợi dụng sự thiếu hiểu biết của nạn nhân nhằm chiếm đoạt tài sản của nạn nhân như vụ án: Nguyễn Tấn Long lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại quận Bình Tân, theo kết luận điều tra của Công an quận Bình Tân thì Long là đối tượng không nghề nghiệp, do túng thiếu nên Long đã nghĩ ra thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Long biết ông Hồ Văn Lợi, trú tại địa bàn quận Bình Tân có con chuẩn bị thi vào trường Công an, tuy nhiên do lực học kém nên ông đang tìm cách “chạy” cho con vào trường Công an. Trước đó Long và ông Lợi có quen nhau cho nên Long đã tiếp cận ông Lợi, nói rằng mình có thể lo cho con mình thi đỗ vào trường Công an với số tiền 200.000.000 triệu đồng, để củng cố lòng tin cho ông Lợi, Long đưa cho ông Lợi xem nhiều tấm hình mình chụp cùng người mặc quần áo Công an. Ông Lợi đồng ý nhưng yêu cầu Long phải viết giấy nhận tiền. Kết quả kỳ thi con ông Lợi vẫn không đậu, ông Lợi tìm Long nhưng Long đã bỏ trốn. Ông Lợi trình báo sự việc lên cơ quan Công an, qua quá trình xác minh, khởi tố vụ án vụ án hình sự, Long bị khởi tố bị can với tội danh lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Như vậy theo quy định, trong trường hợp này Cơ quan điều tra phải thu thập chứng cứ để làm rõ phương tiện, phương pháp, thủ đoạn của Nguyễn Tấn Long, trong đó thông tin là lời nói giữa hai người phải được tái hiện và làm rõ trên các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, những tấm hình Long chụp cùng người mặc đồ Công an cần được thu thập, làm rõ bởi đó là phương tiện gây án của Long.

Trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, việc chứng minh phương tiện, phương pháp, thủ đoạn phạm tội còn làm căn cứ định khung hình phạt đối với người phạm tội. Nó là cấu thành bắt buộc tại Khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự: “Có tính chất chuyên nghiệp”, “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức”, “Dùng thủ đoạn xảo quyệt”. Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra phải chứng minh làm rõ các vấn đề trên.

“Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại” [27, tr.131].

Bất kỳ tội phạm nào cũng xâm phạm ít nhất một quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì quan hệ sở hữu tài sản là quan hệ được luật hình sự bảo vệ nhưng đã bị tội phạm xâm phạm. Trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra trước tiên phải chứng minh được khách thể bị xâm hại đó là quan hệ sở hữu tài sản, nếu không có quan hệ sở hữu bị xâm hại thì không có tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra. Ví dụ: vụ việc xảy ra có dấu hiệu của hành vi lừa đảo, tuy nhiên đối tượng thực hiện hành vi gian dối nhằm quan hệ tình dục mới nạn nhân chứ không xâm phạm tới tài sản của nạn nhân, tức là quan hệ sở hữu không bị xâm phạm, cho nên không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở đây. Cơ quan điều tra phải xác định là không có tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong trường hợp này, khi đó không được khởi tố vụ án, vụ án nếu đã khởi tố thì phải đình chỉ.

2.3.1.2. Chứng minh chủ thể và mặt chủ quan của tội phạm

Khoản 2 Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định vấn đề phải chứng minh tiếp theo trong vụ án hình sự đó là: *“Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội”*. Có thể thấy đây là những yếu tố thuộc mặt chủ quan và chủ thể của tội phạm.

Chủ thể của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản luôn là con người cụ thể, có thể một người hoặc nhiều người. Để chứng minh người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì Cơ quan điều tra phải chứng minh người đó phải có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo quy định. Căn cứ vào quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015 về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thì có thể kết luận rằng người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản phải là người từ đủ 16 tuổi trở lên, người dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Người phạm tội không rơi vào tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, cụ thể là người đó khi thực hiện hành vi phạm tội không đang bị mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Người phạm tội là người trực tiếp thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác hoặc không phải người trực tiếp thực hiện mà có vai trò chủ mưu, chỉ huy, cầm đầu trong vụ án có đồng phạm. Việc chứng minh chủ thể trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản là điều bắt buộc, bởi hành vi lừa đảo phải gắn với một con người cụ thể, không có người phạm tội thì không có tội phạm.

Trong quy định về tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản có quy định các dấu hiệu *“đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt”* hoặc *“đã bị kết án về tội này hoặc các tội quy định tại điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”*. Khi chứng minh, Cơ quan điều tra cũng phải làm rõ các dấu hiệu này, đây là những dấu hiệu thuộc về nhân thân người phạm tội.

Người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có lỗi hay không có lỗi. Như ta đã biết lỗi là trạng thái tâm lý của người thực hiện hành vi nguy hiểm do đó người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội biết rõ hành vi chiếm đoạt tài

sản bằng thủ đoạn gian dối mà mình thực hiện là nguy hiểm cho xã hội và mong muốn nó xảy ra.

Mục đích, động cơ phạm tội. Mục đích là cái cần đạt được sau khi thực hiện tội phạm, đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì mục đích đó là chiếm đoạt được tài sản của người khác. Động cơ phạm tội là cái bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội, đối với tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì đó chính là lòng ham muốn được sở hữu tài sản một cách không chính đáng. Khi chứng minh, cần lưu ý mục đích của việc lừa đảo là để chiếm đoạt tài sản chứ không phải mục đích khác, ví dụ: lừa đảo để nhằm tiếp cận nạn nhân trong vụ án giết người hoặc lừa đảo với mục đích quan hệ tình dục với nạn nhân thì không phạm tội này. Để chứng minh được, Cơ quan điều tra trong quá trình thu thập chứng cứ cần làm rõ người phạm tội có mục đích lấy tài sản gì, tiền, vàng hay vật có giá trị khác, giá trị có thể xác định là bao nhiêu.

2.3.2. Những vấn đề phải chứng minh nằm trong những tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt

Khoản 3 Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự: *“Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can bị cáo”*. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết xảy ra có ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, khiến cho hành vi phạm tội trở nên ít nguy hiểm hơn. Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cũng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, ví dụ như: người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết khiến cho hành vi phạm tội trở nên nguy hiểm hơn, đó là những tình tiết được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự

2015, như: Phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, tàn ác để phạm tội, tái phạm nguy hiểm. Luật hình sự cũng quy định những tình tiết đã áp dụng để định khung thì không áp dụng là tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì không đặt vấn đề phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn xảo quyệt làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bởi nó được áp dụng để định khung hình phạt tại Khoản 2 Điều 174. Quá trình chứng minh của mình, Cơ quan điều tra phải làm rõ tất cả các vấn đề trên, người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có những tình tiết nào áp dụng để giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự, người phạm tội bị truy tố theo khoản nào thì mới đảm bảo việc xử lý đúng đắn, chính xác đúng người đúng tội. Ví dụ: một người thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản phạm tội quy định tại Khoản 1 Điều 174 thì ngoài việc chứng minh người đó phạm tội thì Cơ quan điều tra còn phải làm rõ những đặc điểm nhân thân của người đó như đã phạm tội lần nào hay chưa, nhân thân người này có tốt không, trình độ học vấn người này ra sao, điều kiện hoàn cảnh gia đình như thế nào .v.v... tất cả những vấn đề đó cần làm rõ để phục vụ việc truy tố, xét xử người phạm tội.

Khoản 4 Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự: *“Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra”*. Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại đối với quan hệ sở hữu, cụ thể là tài sản, lợi ích vật chất của nạn nhân bị xâm phạm. Cơ quan điều tra phải chứng minh được mức độ thiệt hại của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã gây ra là bao nhiêu để làm căn cứ xác định tội danh và căn cứ định khung hình phạt áp dụng đối với tội phạm. Nếu tài sản chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 đồng và không thuộc các Điểm a, b, c, d Khoản 1 điều 174 thì người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm

đoạt tài sản chưa bị xử lý hình sự mà chỉ có thể xử lý hành chính. Tùy theo giá trị tài sản thực tế đã bị chiếm đoạt mà người thực hiện hành vi bị xử lý ở khung nào. Việc chứng minh thuộc về Cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao thẩm quyền, ví dụ: tài sản bị chiếm đoạt là cổ vật, giấy tờ có giá thì Cơ quan điều tra phải tiến hành định giá theo thủ tục để xác định giá trị. Khi xác định chính xác giá trị tại sản thì mới có hướng xử lý tiếp theo vụ án.

Khoản 5 Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự: “*Nguyên nhân và điều kiện phạm tội*”. Đây là điểm mới trong quy định về đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự, nguyên nhân và điều kiện phạm tội phần lớn không là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm cụ thể nhưng nó có ý nghĩa cho việc xác định đường lối xử lý vụ án một cách đúng đắn, có ý nghĩa trong công tác phòng ngừa tội phạm.

Khoản 6 Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự: “*những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt*”.

Loại trừ trách nhiệm hình sự là một chế định lớn được quy định tại Chương IV phần Những quy định chung của Bộ luật hình sự, theo đó người thực hiện hành vi nguy hiểm trong những trường hợp: sự kiện bất ngờ, tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội, rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên, bởi những trường hợp này không được xem là có lỗi.

Người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản sẽ được miễn trách nhiệm hình sự khi có các căn cứ quy định tại Điều 29 Bộ luật hình sự

2015. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, đối với tội danh lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra có căn cứ để xác định người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi:

- + Khi tiến hành điều tra, người phạm tội bị mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa.

- + Người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào điều tra khám phá tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận.

Người phạm tội được miễn hình phạt khi có các căn cứ được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự mà đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức miễn trách nhiệm hình sự.

Như vậy quá trình điều tra, chứng minh vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra phải áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự làm sáng tỏ những nội dung trên được quy định tại Điều 85 Bộ luật TTHS mục đích là tìm ra sự thật khách quan của vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản một cách nhanh chóng, làm cơ sở cho công tác xử lý tội phạm.

2.3.3. Nhóm tình tiết khác có giá trị chứng minh đối với vụ án hình sự

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung, giải quyết vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng, Cơ quan điều tra còn phải chứng minh những vấn đề khác có liên quan hoặc có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án mà những vấn đề này được quy định trực tiếp hoặc gián tiếp trong các điều luật của Bộ luật TTHS. Bởi vậy, sẽ là không đúng khi xác định rằng trong quá trình tố tụng đối với vụ án hình sự, chỉ phải chứng minh những vấn đề được quy định tại Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 mà cần phải chứng minh những vấn đề khác có liên quan mà Bộ

luật TTHS năm 2015 quy định. Nghiên cứu Bộ luật TTHS năm 2015 cho thấy, Bộ luật còn có nhiều điều luật quy định về đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự đó là những vấn đề như:

Tại Điều 30 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: “Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Trong trường hợp vụ án hình sự giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại, bồi hoàn mà chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì có thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự”. Như vậy, ở đây điều luật đã gián tiếp quy định Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự phải chứng minh các tình tiết có liên quan đến vấn đề bồi thường, bồi hoàn dân sự trong vụ án hình sự. Trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vấn đề bồi thường thiệt hại thường đặt ra, do người phạm tội gây thiệt hại về tài sản cho người khác, một tình tiết phổ biến đó là Cơ quan điều tra phải chứng minh được người phạm tội phải bồi thường bao nhiêu, bồi thường cho ai.

Tại Điều 109 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: “ Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội hoặc đảm bảo thi hành án, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi của mình có thể áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh”. Như vậy, trong trường hợp này Cơ quan điều tra phải chứng minh được người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có khả năng gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố .v.v... để áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo luật định. Tuy nhiên cũng cần chú ý những trường hợp không áp dụng biện pháp tạm giam đối với phụ nữ đang có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh nặng mà những người này có nơi cư trú và lai lịch rõ ràng và họ không bỏ

trốn hoặc tiếp tục phạm tội hoặc có những căn cứ khác quy định tại Khoản 4 Điều 119 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về tạm giam. Những người này có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Điều 91 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: “Người làm chứng trình bày những gì mà họ biết nguồn tin về tội phạm, về vụ án, nhân thân của người bị buộc tội, bị hại, quan hệ giữa họ với người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng khác và trả lời câu hỏi đặt ra”. Rõ ràng với quy định như vậy thì một trong những vấn đề Cơ quan điều tra phải chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản đó là khi sử dụng lời khai của người làm chứng phải chứng minh được mối quan hệ giữa người làm chứng với người bị buộc tội, bị hại, hoặc người làm chứng khác.

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra đã lâu thì Cơ quan điều tra khi tiến hành điều tra phải căn cứ vào quy định tại Điều 157 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định căn cứ không khởi tố vụ án hình sự khi hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, nhiệm vụ của Cơ quan điều tra là chứng minh vụ án đó còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hay không. Nếu hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản phạm tội ít nghiêm trọng tức là thuộc khoản 1 thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 5 năm, quá thời gian trên, không được khởi tố vụ án hình sự, vụ án nếu đã khởi tố phải đình chỉ.

Đối với vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm thì Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra phải thu thập chứng cứ chứng minh thêm những vấn đề được qui định tại Điều 416 Bộ luật TTHS năm 2015, trong đó qui định, những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi. Bộ luật TTHS năm 2003 sử dụng thuật ngữ người chưa thành niên để chỉ những người dưới 18 tuổi tuy nhiên tại Bộ luật TTHS năm 2015 thống nhất sử dụng thuật ngữ “người dưới 18 tuổi” để đảm bảo tính thống nhất và chính

xác. Đối với người dưới 18 tuổi, Bộ luật TTHS năm 2015 dành riêng một chương để quy định về thủ tục tố tụng đối với đối tượng này. Có thể thấy, chính sách pháp luật của Nhà nước ngày càng quan tâm đến thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của đất nước. Người chưa thành niên có những đặc điểm tâm sinh lý riêng, điều đó có ảnh hưởng lớn đến việc phạm tội của đối tượng này nói chung cũng như hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng cho nên quy định về nguyên tắc tố tụng đối với người dưới 18 tuổi trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng có nhiều khác biệt.

Theo quy định tại Điều 416 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Quá trình chứng minh trong điều tra vụ án hình sự, cụ thể là vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Cơ quan điều tra ngoài những vấn đề phải chứng minh được quy định tại Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015, thì cần phải chứng minh thêm những vấn đề sau:

Tuổi của người dưới 18 tuổi. Việc xác định đúng tuổi có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định sự thật của vụ án, người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có cấu thành tội phạm hay không. Từ đó có đường lối đúng đắn xử lý hình sự. Theo quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015 thì, người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chưa đủ 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra phải chứng minh được tuổi của người phạm tội. Việc xác định tuổi người bị buộc tội thì cơ quan điều tra căn cứ vào quy định của pháp luật, dựa vào những giấy tờ tùy thân như: giấy chứng minh, giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu. Nếu trường hợp đã áp các biện pháp theo luật định mà vẫn không xác định được ngày tháng năm sinh thì ngày tháng năm sinh được xác định căn cứ theo Khoản 2 Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự: trường hợp xác định được tháng nhưng không xác định được ngày thì lấy ngày cuối cùng của tháng

đó làm ngày sinh. Trường hợp xác định được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày, tháng sinh. Trường hợp xác định được nửa của năm nhưng không xác định được ngày tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày, tháng sinh. Trường hợp xác định được năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đó làm ngày, tháng sinh. Trường hợp không xác định được năm sinh thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi.

Mức độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi. Ở góc độ này, điều tra viên phải thông qua nhiều biện pháp khác nhau để xác định người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần hay chưa, thông thường qua kinh nghiệm thực tiễn của điều tra viên, nếu thấy có dấu hiệu nghi ngờ người đó chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần thì có thể yêu cầu sự trợ giúp của bác sĩ chuyên môn hoặc người đại diện hợp pháp. Thông qua công tác điều tra, xét hỏi, điều tra viên chứng minh được trong hồ sơ vụ án rằng người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có nhận thức đầy đủ mức độ nguy hiểm của hành vi mình gây nên hay không.

Điều kiện sinh sống và giáo dục của người dưới 18 tuổi. Hoạt động chứng minh cũng phải chứng minh được người thực hiện hành vi lừa đảo được sinh sống và đào tạo trong môi trường như thế nào, bởi môi trường gia đình, môi trường xã hội và môi trường giáo dục có tính quyết định đến hành vi, nhân cách của người phạm tội, đặc biệt là người chưa thành niên rất dễ bị ảnh hưởng bởi môi trường bên ngoài. Những người sinh sống và được giáo dục khác nhau thì hành vi phạm tội cũng khác nhau bởi họ nhận thức về hành vi nguy hiểm do mình gây ra là khác nhau.

Có hay không có người trên 18 tuổi xúi giục. Do tâm sinh lý người dưới 18 tuổi thường phát triển chưa hoàn thiện, dễ bị kích động, lôi kéo, dễ nghe lời người khác để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản cho nên Cơ quan điều tra cần chứng minh được vụ án có sự tham gia của người thành niên hay không làm cơ sở để truy tố, xét xử đúng người, đúng tội. Nhiều vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra do người dưới 18 tuổi thực hiện thường là do người từ 18 tuổi thực hiện hành vi xúi giục, do người trên 18 tuổi đánh trúng tâm lý ham chơi, muốn có tiền tiêu xài nên đã lập kế hoạch cho người dưới 18 tuổi trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo, tài sản chiếm đoạt được sẽ chia nhau tiêu xài.

Nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội. Trong giai đoạn điều tra tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với người đủ 18 tuổi cũng phải chứng minh nguyên nhân điều kiện phạm tội nhưng ở góc độ khác, đối với người dưới 18 tuổi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do có những đặc điểm tâm sinh lý khác nên nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của những người này được làm sáng tỏ ở hai nhóm sau:

Nhóm nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ người dưới 18 tuổi. Có thể xác định nhóm này giữ vai trò quyết định đối với việc làm phát sinh tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Không có những nguyên nhân, điều kiện phạm tội thuộc nhóm này thì không phát sinh tội phạm. Đó chính là những con người cụ thể, gắn với những đặc điểm sinh học cụ thể như: giới tính, độ tuổi, tính cách, khí chất; những đặc điểm xã hội như: nghề nghiệp, địa vị xã hội, hoàn cảnh gia đình nơi cư trú; đặc điểm tâm lý phản ánh nhận thức xã hội tiêu cực của người dưới 18 tuổi, nó được hình thành suốt quá trình sống, dưới sự tác động của môi trường xã hội. Tất cả các đặc điểm trên tác động qua lại, hình thành nên tâm lý phạm tội của người dưới 18 tuổi, tâm lý đó thúc đẩy ý thức người phạm tội đến một mức thiếu kiểm soát thì hành vi tội phạm xảy ra.

Nhóm các tình huống, hoàn cảnh phạm tội cụ thể: bao gồm không gian, thời gian, tình huống cụ thể gắn liền với đặc điểm hành vi phạm tội của người chưa thành niên và nạn nhân.

Việc làm rõ nguyên nhân và điều kiện người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản là để tìm ra nguồn gốc phát sinh tội phạm đó, từ đó có biện pháp điều tra phù hợp, giải quyết đúng đắn vụ án vừa phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người chưa thành niên thực hiện.

Tóm lại, chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với người chưa đủ 18 tuổi thực hiện, ngoài những vấn đề cần phải chứng minh thông thường thì Cơ quan điều tra còn phải chứng minh được tuổi, mức độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi; chứng minh được điều kiện sinh sống và giáo dục của người đó; chứng minh có hay không có người đủ 18 tuổi trở lên xúi giục; nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của người dưới 18 tuổi.

Như vậy, khi điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra phải căn cứ vào điều 85 Bộ luật TTHS để xác định những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án, ngoài ra còn phải căn cứ vào nhiều quy định trong các điều luật khác nhằm mục đích tìm ra sự thật khách quan của vụ án, xử lý đúng đắn tội phạm.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐỐI TƯỢNG CHỨNG MINH TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TẠI ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU TRA

3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Một số kết quả đạt được của công tác chứng minh trong điều tra các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hóa lớn của cả nước cho nên quá trình hội nhập ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến địa bàn này. Bên cạnh sự phát triển kinh tế, hoạt động tội phạm đang diễn ra rất phức tạp, trên hầu hết các lĩnh vực. Tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng theo đó mà có những diễn biến phức tạp. Theo số liệu thống kê của Công an thành phố Hồ Chí Minh, tình hình điều tra khám phá các tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong giai đoạn 2011-2015 cụ thể như sau:

Năm	Số vụ xảy ra	Điều tra khám phá	Tỉ lệ điều tra khám phá	Số bị cáo
2011	220	207	94,09%	195
2012	257	234	91,50%	233
2013	369	327	88,61%	311
2014	426	322	75,58%	318
2015	398	352	88,44%	299

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác Công an thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2015

Tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong năm năm qua có xu hướng tăng. Cụ thể, năm

2012 tăng 37 vụ (tỉ lệ tăng 32,83%) so với năm 2011. Năm 2013 tăng 112 vụ (tỉ lệ tăng 43,57%) so với năm 2012. Năm 2014 tăng 57 vụ (tỉ lệ tăng 15,44%) so với năm 2013. Năm 2015 giảm 28 vụ (tỉ lệ giảm 6,57%) so với năm 2014.

Công tác điều tra, khám phá tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố luôn được Lãnh đạo thành phố, đặc biệt Ban Giám đốc Công an thành phố chỉ đạo quyết liệt điều tra, khiến cho tỉ lệ điều tra khám phá án lừa đảo chiếm đoạt tài sản luôn đạt ở mức cao, trên 75%, thậm chí có năm đạt tỉ lệ trên 94%, đặc biệt với quyết tâm đánh mạnh vào tội phạm nhằm kéo giảm tình hình tội phạm, năm 2015 số vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã giảm so với năm 2014. Đó là những thành tích xuất sắc của thành phố nói chung, Công an thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Có thể nói, Cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh đã xác định đúng những vấn đề phải chứng minh và phạm vi chứng minh để nhanh chóng thu thập chứng cứ, làm sáng tỏ sự thật vụ án từ đó góp phần nhanh chóng giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế oan sai. Kịp thời trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho người bị hại, tạo dựng niềm tin, và sự an tâm trong nhân dân vào Cơ quan điều tra cũng như cơ quan tiến hành tố tụng. Bên cạnh đó hoạt động chứng minh hiệu quả đã đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân, quyền con người theo công ước quốc tế. Hầu hết các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố đều được giải quyết đúng thời hạn theo luật định. Tỉ lệ án bị hủy, sửa hay bị đình chỉ thấp. Qua nghiên cứu phân tích 100 vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản chọn ngẫu nhiên từ các vụ án xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy có nhiều vụ án vấn đề xác định đối tượng chứng minh có rất nhiều khó khăn, phức tạp nhưng Cơ quan điều tra đã xác định đầy đủ và chính xác, có thể nêu một số vụ án điển hình:

Việc chứng minh tình tiết “Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội”, thực tế có vụ án rất khó khăn trong việc xác minh được hành vi đó có phải là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay không, phương thức thủ đoạn như thế nào, như thủ đoạn trong vụ án xảy ra tại Quận 7, đối tượng Trịnh Văn Hiệu lừa đảo chiếm đoạt 200 triệu đồng của ông Lê Hữu Nghị. Ban đầu Hiệu đưa ra thông tin muốn bán nhà, và yêu cầu đặt cọc 200 triệu đồng, tuy nhiên sau đó mới tiết lộ thông tin là giấy tờ ngôi nhà đang bị thế chấp ngân hàng, diện tích đất công nhận trong sổ chỉ bằng 50% diện tích đang sử dụng, mục đích là để gây ra những rắc rối cho nạn nhân, khiến nạn nhân từ bỏ ý định mua nhà từ đó chiếm đoạt tiền đặt cọc. Nếu không chứng minh được thủ đoạn gian dối, thì vụ việc trên chỉ là giao dịch dân sự bình thường, không có tội phạm xảy ra, tuy nhiên qua việc xác định đối tượng chứng minh, Cơ quan điều tra đã thu thập được chứng cứ chứng minh thủ đoạn gian dối trước khi giao dịch của Hiệu, kết luận Hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hoặc vụ án Nguyễn Thanh Nguyên lừa đảo chiếm đoạt thông qua hành vi mạo danh người của văn phòng chính phủ, có thể “chạy” được dự án cho doanh nghiệp, sau đó mượn tiền rồi chiếm đoạt số tiền lên đến 7 tỉ đồng của 3 công ty bất động sản. Quá trình điều tra, Nguyên một mực khai nhận mình không lừa đảo, chỉ mượn tiền của doanh nghiệp chứ không chiếm đoạt. Tuy nhiên, khi Cơ quan điều tra đưa ra được chứng cứ về những giấy tờ giả mạo mà Nguyên sử dụng để nói rằng mình là người của Văn phòng Chính phủ và bằng chứng các doanh nghiệp trước đây bị nguyên lừa gạt tiền rồi bỏ trốn thì Nguyên đã khai nhận toàn bộ hành vi. Có thể nói, trong vụ án trên, nếu như không chứng minh được ngay từ đầu thủ đoạn gian dối của Nguyên thì Cơ quan điều tra không có cơ sở để kết luận Nguyên lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vụ án dễ bị phi hình sự hóa, do đó sẽ bỏ lọt tội phạm.

Về vấn đề chứng minh tình tiết “Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội”, trên thực tế cũng gặp nhiều khó khăn nhưng Cơ quan điều tra cũng đã thực hiện đầy đủ như vụ án: Nguyễn Văn Linh, có thủ đoạn dùng 23 sổ đỏ giả thế chấp vay ngân hàng chiếm đoạt số tiền 18 tỷ đồng, tuy nạn nhân chỉ tố cáo Nguyễn Văn Linh lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ban đầu Linh cũng khai chỉ một mình mình thực hiện, nhưng qua việc làm rõ những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án, Cơ quan điều tra xác định được rằng, ngoài Linh ra còn 03 đối tượng nữa là Lê Văn Đắc, Đào Thị Hồng và Nguyễn Văn Lĩnh tham gia lừa đảo chiếm đoạt tài sản cùng với Linh. Bởi qua điều tra, xác minh được những đối tượng trên cùng bàn bạc để thực hiện tội phạm, 03 đối tượng Đắc, Hồng và Lĩnh có nhiệm vụ làm ra những giấy tờ giả để Linh lừa đảo. Riêng đối tượng Nguyễn Văn Lĩnh là con trai của Linh, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự do chưa đủ 14 tuổi, Cơ quan điều tra đã đề nghị truy tố với 3 đối tượng Linh, Đắc, Hồng về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vấn đề chứng minh: *“Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo”*. Hầu hết những vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thì vấn đề này đều được Cơ quan điều tra làm rõ, trong đó có vụ án bị can có rất nhiều tình tiết được giảm nhẹ như vụ án Nguyễn Bích Nhi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có đến 4 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Vấn đề chứng minh: *“Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra”*. Trong thời gian qua, Công an thành phố đã tập trung điều tra xử lý nhiều vụ án lừa đảo có quy mô lớn, có những tình tiết chứng minh hết sức phức tạp. Điển hình như nhiều vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trong giai đoạn vừa qua nhờ vào việc áp dụng triệt để các quy định về đối tượng chứng minh được quy định trong luật tố tụng hình sự, Cơ quan điều

tra Công an thành phố Hồ Chí Minh đã xác định đúng những vấn đề phải chứng minh, nhanh chóng thu thập chứng cứ để chứng minh những tình tiết đó. Làm sáng tỏ vụ án. Như vụ án 3 đối tượng thành lập công ty đa cấp chiếm đoạt số tiền 108 tỉ đồng. Nội dung vụ án như sau: tháng 11/2015 Huỳnh Minh Tuấn, Nguyễn Minh Thành và Đoàn Hồng Chương cùng góp vốn thành lập công ty cổ phần Cộng Đồng Việt, có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh và 20 tỉnh thành trên cả nước. Mặc dù chưa đăng ký hình thức kinh doanh đa cấp và dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử nhưng công ty này đã lập trang vicongdongviet.vn để lôi kéo người tham gia. Theo thể lệ, khách hàng đầu tư vào phải nộp một khoản tiền. Nếu khách muốn nhận tiền hoa hồng thì phải lôi kéo người tham gia để được lên “level”. Người nào thoát “level 1” được hưởng 2 triệu đồng, thoát “level” 12 được hưởng 4 tỉ đồng. Bằng thủ đoạn trên, các đối tượng lôi kéo gần 3.000 khách hàng với số tiền 335 tỉ đồng. Ban đầu chúng trả thưởng đầy đủ để lôi kéo nạn nhân, sau đó chiếm đoạt luôn số tiền gần 108 tỉ đồng. Nhận định trong vụ án trên, những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hết sức phức tạp, đặc biệt là chứng minh được đối tượng đã thực hiện lừa đảo chiếm đoạt tài sản với những ai, số lượng nạn nhân là rất lớn, số tiền bị chiếm đoạt cũng là một số tiền rất lớn. Để chứng minh được, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định những vấn đề chứng minh một cách khoa học, phân công cho các điều tra viên thực hiện đầy đủ các nội dung cần phải chứng minh, từ đó mới xác định được danh tính của gần 3000 nạn nhân, cũng như số tiền 335 tỉ đồng của những nạn nhân này.

Vấn đề chứng minh: *“Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt”*. Qua khảo sát thì có 01 vụ án, bị can chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó vụ án đã bị đình chỉ.

3.1.2. Một số hạn chế còn tồn tại về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Qua công tác thu thập tài liệu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân, đặc biệt nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghiên cứu các bản kết luận điều tra 100 vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các cấp thành phố Hồ Chí Minh. Những vụ án diễn ra trong giai đoạn 2011-2015, giai đoạn này, Cơ quan điều tra áp dụng những quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật TTHS năm 2003 làm căn cứ pháp lý. Cũng cần xác định rằng, bản kết luận điều tra và những tài liệu trong hồ sơ vụ án chưa được xem là căn cứ kết luận sự thật cuối cùng của vụ án, tuy nhiên trong giai đoạn điều tra, theo quy định của luật TTHS, Cơ quan điều tra vẫn phải áp dụng mọi biện pháp theo luật định để xác định đối tượng chứng minh của vụ án, từ đó thu thập chứng cứ, làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Trong giai đoạn điều tra, đối tượng chứng minh có vai trò hết sức quan trọng và những hạn chế của vấn đề này cũng bộc lộ rõ ràng nhất. Những hạn chế, thiếu sót như: việc xác định phạm vi, đối tượng chứng minh trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn chưa đúng, chưa đầy đủ; việc kết luận về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án còn chưa chính xác; chứng minh chưa đầy đủ hoặc việc thu thập những căn cứ để sử dụng vào việc chứng minh còn hạn chế .v.v... Những tồn tại thiếu sót này là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc phải trả lại hồ sơ để điều tra lại hoặc điều tra bổ sung làm cho vụ án bị kéo dài, lãng phí sức người sức của, hoặc dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, xảy ra oan sai, truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội, hoặc bỏ lọt tội phạm; Có vụ án phải trải qua nhiều cấp xét xử mà vẫn chưa dứt điểm; nhiều trường hợp phải đình chỉ điều tra do không phạm tội hoặc xét xử tuyên không phạm tội .v.v... Từ đó ảnh hưởng đến

quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và những người có liên quan, làm giảm niềm tin của nhân dân vào pháp luật, ảnh hưởng đến uy tín của Cơ quan Công an.

Theo thống kê số liệu điều tra các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công an thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, tỉ lệ số vụ lừa đảo chiếm đoạt bị trả hồ sơ điều tra như sau:

Năm 2011: 8,54% (17/199 vụ); Năm 2012: 6,33% (14/221 vụ); Năm 2013: 8,31% (25/301 vụ); Năm 2014: 7,07% (21/297 vụ); Năm 2015: 6,78% (23/339 vụ).

Lý do bị trả hồ sơ để cơ quan điều tra bổ sung có liên quan đến vấn đề chứng minh, thiếu chứng cứ quan trọng chiếm tỉ lệ 75%; lý do trả hồ sơ điều tra bổ sung do có căn cứ khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có đồng phạm khác chiếm 14%; lý do trả hồ sơ do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng chiếm 11%. Mỗi năm, Cơ quan điều tra phải tiếp nhận việc trả hồ sơ điều tra bổ sung hàng chục vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà nguyên nhân chủ yếu là thuộc về vấn đề chứng minh trong quá trình điều tra. Trong những năm gần đây, hiệu quả, chất lượng giải quyết vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung cũng như hiệu quả điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh đã được nâng lên, tuy nhiên số liệu cho thấy vẫn còn tồn tại đáng kể những hạn chế.

Ngoài những trường hợp vụ án bị trả hồ sơ điều tra bổ sung còn có vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản sau khi đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, sau quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ qua viện kiểm sát đề nghị truy tố nhưng Viện kiểm sát xác định có căn cứ đình chỉ vụ án nên đã quyết định đình chỉ vụ án. Nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ vụ án là do quá trình điều tra không xác định đúng những vấn đề phải chứng minh trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản dẫn đến việc hình sự hóa các quan

hệ dân sự, hoặc chưa chứng minh chính xác độ tuổi của người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Qua nghiên cứu các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả nêu ra một số vụ án tiêu biểu, còn thiếu sót trong quá trình điều tra liên quan đến đối tượng chứng minh như sau:

** Về vấn đề chứng minh tình tiết: “Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội”.* Cơ quan điều tra chứng minh không đầy đủ dẫn đến hình sự hóa tội phạm hoặc ngược lại là bỏ lọt tội phạm như các vụ án dưới đây:

Vụ án thứ nhất: Ở vụ án này, Cơ quan điều tra không chứng minh hết những dấu hiệu thuộc mặt cấu thành của tội phạm đó là mục đích phạm tội, dẫn đến bỏ lọt tội phạm, như vụ án Đào Ngọc Duy tố cáo Lê Thị Mai Ly lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nội dung vụ án như sau: Đào Ngọc Duy, là Việt kiều sinh sống tại Úc, vào khoảng tháng 5/2015, vì muốn tìm bạn để tâm sự. Thông qua trang mạng xã hội Facebook, Duy trò chuyện với Lê Thị Mai Ly. Ly nói đã học xong Đại học, có chồng nhưng đã ly hôn và chưa có con, quê ở Bến Tre. Sinh sống tại Quận 1, thành Phố Hồ Chí Minh. Vì cùng là người gốc Bến Tre nên rất dễ dàng thông cảm và trao đổi thông tin về nhau một cách thân thiện, qua đó Duy có ý định kết hôn.

Tháng 12/2015 Duy về nước gặp trực tiếp Ly và hai người gặp nhau trò chuyện trở nên thân thiết và có dự định kết hôn. Tuy nhiên Duy phải trở về Úc lo công việc, sau nhiều lần trao đổi với nhau qua mạng. Ngày 02/9/2015 Duy bay về Việt Nam để làm hồ sơ bảo lãnh Ly sang Úc. Trong hồ sơ Ly khai rất rõ về lý lịch bản thân, nhân thân của mình đưa cho Duy để làm thủ tục xuất cảnh.

Tin lời Ly, tháng 9/2015 Ly có trao đổi với Duy, Ly cho biết cô có người bạn thân bị thiếu nợ nên nhờ Duy giúp cho cô bạn mượn số tiền 150 triệu đồng. Duy đã không ngần ngại chuyển số tiền đó về cho Ly.

Từ tháng 04/9/2015 đến 09/9/2015, nghe Ly than vãn dạo này làm ăn khó, thiếu nợ do bị chồng cũ tổng tiền và giải quyết một số nợ nần khi ly hôn, Duy đã chuyển 300 triệu đồng vào tài khoản Ly làm 2 lần. Một lần 100 triệu đồng và một lần 200 triệu đồng.

Tháng 11/2015, Duy đặt vấn đề với Ly để hai gia đình bàn chuyện kết hôn. Lúc này Ly lấy lý do là đang trong năm “Tam tai”, hơn nữa chồng cũ đang quấy phá, các con nợ gây áp lực, cần có tiền để giải quyết xong sẽ kết hôn. Do Duy muốn nhanh chóng xây dựng gia đình, ổn định cuộc sống, nghe theo lời Ly. Duy tiếp tục thực hiện theo yêu cầu của Ly với số tiền ly cần là 400 triệu đồng nộp vào tài khoản của Ly vào ngày 13/11/2015.

Ngày 24/12/2015 Duy về Việt Nam tìm đến Ly để thực hiện kết hôn với Ly thì Ly bất ngờ bỏ trốn khi biết thông tin Duy về. Duy tố cáo vụ việc lên Công an Quận 1. Cơ quan điều tra qua xác minh được biết những thông tin bấy lâu nay Ly cung cấp cho Duy là hoàn toàn sai sự thật. Vào thời điểm đó Ly đang có chồng, 2 con cùng sinh sống với nhau mà Ly lừa Duy rằng đã bỏ chồng và chưa có con. Khi cơ quan Cảnh sát điều tra mời làm việc nhiều lần nhưng Ly vẫn lẩn trốn, lừa dối cả cơ quan điều tra là mình đang ở nước ngoài trong khi Ly vẫn đang ở Thành phố Hồ Chí Minh. Xác minh địa chỉ nơi ở của Ly thì Ly và chồng con chuyển đi nơi khác sinh sống. Qua các biện pháp nghiệp vụ của Cơ quan điều tra, Ly khai nhận toàn bộ sự việc như Duy khai báo, Cơ quan điều tra cũng thu thập được chứng cứ chứng minh các giao dịch do Duy chuyển tiền cho Ly là đúng như Duy tố cáo.

Qua quá trình xác minh đơn tố cáo của Duy, Cơ quan điều tra cho rằng Ly không phạm tội, vụ việc trên chỉ là giao dịch dân sự giữa Duy và

Ly nên không khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên Duy cho rằng Ly rõ ràng đã có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của Duy, khi Ly cố tình tạo ra những thông tin gian dối ngay từ đầu nhằm mục đích tiếp cận tài sản của Duy, vì vậy Duy tiếp tục làm đơn tố cáo Ly lên cơ quan Công an và khiếu nại quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1. Vụ việc còn tiếp tục diễn biến phức tạp.

Vụ việc trên cho thấy, Cơ quan điều tra Công an Quận 1 đã xác định không đầy đủ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án, cụ thể là chưa chứng minh hành vi đưa ra những thông tin giả có nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của Ly hay không, mục đích đó hình thành từ khi nào, rõ ràng hành vi của Ly là nguy hiểm, khi liên tục đưa ra những thông tin sai sự thật nhằm tiếp cận tài sản của Duy để chiếm đoạt. Cơ quan điều tra cần làm rõ để không bỏ lọt tội phạm.

Vụ án thứ 2: Trong vụ án thứ 2, Cơ quan điều tra đã hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế, như vụ: Nguyễn Thị Hoa và Lê Thị Cát cùng là tiểu thương buôn bán vải tại chợ Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh. Do việc buôn bán cần vốn nên Hoa thường xuyên vay tiền của Cát để thanh toán tiền vải và thường trả tiền gốc và lãi vào cuối tháng. Số tiền vay có khi lên đến hàng trăm triệu đồng, tháng 4/2014, do hàng hóa buôn bán không thuận lợi nên số tiền vay 500 triệu đồng Hoa vay của Cát chưa trả được, Cát hỏi mượn thêm 200 triệu đồng để thanh toán tiền hàng và hứa sau 1 tháng sẽ trả cả gốc và lãi, tuy nhiên việc buôn bán của Hoa tiếp tục thua lỗ, sau 1 tháng Hoa đóng cửa tiệm, báo là đi chữa bệnh và có biểu hiện trốn tránh khi Cát đòi nợ. Chờ tiếp 1 tháng Hóa vẫn không xuất hiện, Cát làm đơn tố cáo Hoa lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi lên Công an quận Tân Bình. Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đã xác minh Hoa đi khỏi địa phương nên đã khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, sau quá trình điều tra thì Hoa không phạm tội mà quan hệ trên chỉ là

quan hệ dân sự giữa Hoa và Cát, việc Hoa chữa bệnh là thật, do đó đã đề nghị hai bên giải quyết tại tòa dân sự, vụ án bị đình chỉ.

** Vấn đề chứng minh tình tiết: “Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội”. Cơ quan điều tra đã có những hạn chế, sai sót qua những vụ án sau:*

Vụ án thứ 3:Trong vụ án thứ 3, việc xác định những vấn đề cần phải chứng minh chưa chính xác, tuổi của người có hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được chứng minh kịp thời, vụ án đã khởi tố sau đó bị đình chỉ như vụ: Ngày 02/3/2014, Nguyễn Thanh Hào, sinh năm 1998 là đối tượng lang thang, đến tiệm vàng Kim Sơn trên địa bàn quận Thủ Đức để bán sợi dây chuyền 5 chỉ vàng lấy 18.000.000 đồng, do tiệm đông khách nên nhân viên không kiểm tra kỹ, khi Hào vừa rời đi thì nhân viên của tiệm vàng phát hiện sợi dây chuyền Hào đưa là giả nên truy hô mọi người đuổi theo, tuy nhiên Hào đã kịp tẩu thoát. Cửa hàng có Camera an ninh nên mọi cảnh tượng đều được ghi lại. Cửa hàng đã báo sự việc lên Công an quận Thủ Đức. 6 tháng sau, ngày 05/9/2014, nhân viên cửa hàng tiệm vàng phát hiện thấy thanh niên mới chuyển đến gần phòng trọ của mình có những đặc điểm giống đối tượng lừa đảo trước đó được lưu trong camera an ninh nên đã âm thầm báo Công an xác minh, qua xác minh đúng là Nguyễn Thanh Hào là người đã thực hiện hành vi lừa đảo, Hào khai nhận toàn bộ sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an quận Thủ Đức ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố Nguyễn Thanh Hào tội danh lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tuy nhiên sau quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phải đình chỉ điều tra vụ án do tại thời điểm phạm tội, Hào chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Nguyễn Thanh Hào sinh ngày 21/4/1998, tại thời điểm bị bắt Hào đã đạt độ tuổi 16 tuổi 5 tháng. Tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản,

Hào chưa đủ 16 tuổi. Hao chưa từng có tiền án, tiền sự do đó hành vi của Hao chưa cấu thành tội phạm. Qua vụ án trên, có thể thấy, Cơ quan điều tra, trong quá trình điều tra đã xác định không đầy đủ những vấn đề cần phải chứng minh ngay từ đầu, cụ thể trường hợp này chưa chứng minh tuổi chịu trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội.

Vụ án thứ 4: Trong quá trình điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, có vụ án Cơ quan điều tra đã không chứng minh hết các hành vi của các đối tượng liên quan trong vụ án, không xác định được vai trò tham gia của những người đó dẫn đến bỏ lọt tội phạm như vụ án Huỳnh Thị Quai phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nội dung vụ án:

Do có quen biết với Lê Văn Đông là Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Đông Bắc (Công ty Đông Bắc), Huỳnh Thị Quai đã bàn bạc với Lê Văn Đông thay đổi và bổ sung Quai làm thành viên của công ty, nhưng chưa được Sở kế hoạch và đầu tư cấp phép.

Từ tháng 5/2011 đến ngày 28/11/2011, Quai đã lấy danh nghĩa là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Đông Bắc và là cháu ruột cán bộ cấp cao nên có nhiều mối quan hệ quen biết, có thể mua được sắt thép phế liệu với giá rẻ. Được các đối tác tin tưởng, Quai nói đã mua được các lô sắt phế liệu là sắt làm cầu đường, xe cuốc, ô tô cũ và xà lan cũ, sau đó điện thoại và nhắn tin cho các bị hại yêu cầu chuyển tiền hoặc gặp trực tiếp nhận tiền cọc nhưng không giao hàng để chiếm đoạt số tiền 5.375.000.000 đồng của các bị hại, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 5/2011, Công ty Đại Phát Thăng bán cho công ty Đông Bắc một lô sắt phế liệu tại kho Long Bình, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 30/5/2011, ông Lê Văn Đông - Giám đốc công ty Đông Bắc ký hợp đồng số 01/HĐKT, về việc bán lô sắt phế liệu tại kho Long Bình, tỉnh Đồng Nai cho ông Trần Minh Dũng - chủ doanh nghiệp tư nhân Trần Ánh và giao cho Huỳnh Thị Quai thực hiện việc bán lô sắt này.

Sau khi ký hợp đồng với công ty Đông Bắc, ông Dũng đã ký hợp đồng bán lại lô sắt cho công ty TNHH-MTV METAL đặt trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh do ông Phan Thành Luận làm Giám đốc. Khi được công ty Đông Bắc giao thực hiện việc mua bán lô sắt trên, Quai đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Dũng nên khi ông Trần Quang Vinh (anh của ông Dũng) đến kho Long Bình xem hàng thì Quai cho ông Vinh xem lô hàng là thùng phi, phôi bào tiện và sắt đồng tiền. Sau đó ông Vinh điện thoại cho ông Dũng, ông Dũng điện thoại cho ông Luận đến xem hàng.

Khi ông Luận đến kho thì Quai không cho ông Vinh đi theo mà trực tiếp dẫn ông Luận vào kho, cho ông Luận xem những đồng sắt phế liệu là sắt cục, sắt cây và sắt máng (khác với loại phế liệu mà Quai đã cho ông Vinh xem), khi ông Luận xem xong thì điện thoại báo cho ông Dũng biết là đồng ý mua và cho người của công ty chạy xà lan đến kho Long Bình đợi nhận hàng (ông Dũng và ông Luận đã thỏa thuận trước là công ty ông Luận sẽ nhận hàng trực tiếp từ công ty Đông Bắc để giảm chi phí vận chuyển từ Doanh nghiệp tư nhân Trần Ánh về công ty METAL và Quai đã đồng ý giao hàng cho công ty ông Luận).

Đến ngày 03/6/2011, Quai yêu cầu ông Dũng giao số tiền 800.000.000 đồng để Quai giao sắt cho ông Luận. Khi nhận tiền xong Quai cho người chở hai xe sắt phế liệu gồm thùng phi, phôi bào giao cho công ty của ông Luận nhưng công ty của ông Luận không nhận vì không đúng với chuẩn loại mà Quai đã dẫn ông Luận đi xem trước đó.

Số sắt phế liệu công ty ông Luận không nhận, Quai đã bán cho ông Ngô Anh Hùng. Ông Dũng nhiều lần điện thoại và gặp Quai để đòi số tiền Quai đã nhận nhưng Quai hăm dọa ông Dũng làm ông Dũng sợ và chiếm đoạt số tiền 800.000.000 đồng, ngoài ra Quai còn vay mượn của ông Dũng số tiền 220.000.000 đồng chưa thanh toán.

Cũng với thủ đoạn trên, Quai thực hiện tiếp các vụ án sau:

Vụ thứ 2: Với sự giúp sức của Bùi Văn Xoa là người trông giữ xà lan chở sắt phế liệu, Huỳnh Thị Quai đã chiếm đoạt của ông Ngô Anh Hùng 1 tỷ đồng.

Vụ thứ 3: Chiếm đoạt của ông Lương Thành Đại 1.195.000.000đ.

Vụ thứ 4: Chiếm đoạt của công ty Đông Bắc 1.800.000.000đ

Tại xét xử hình sự sơ thẩm, ngày 17 tháng 01 năm 2014, Bị cáo Huỳnh Thị Quai (út Mười, út Quai) bị Tòa án tuyên phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là 20 năm, 06 tháng tù

Ngày 20,23,27/01/2014, các bị hại: ông Ngô Anh Hùng, Lương Thành Đại, Trần Minh Dũng làm đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ khoản tiền mà Huỳnh Thị Quai đã chiếm đoạt của ông để thu hồi và trả lại cho ông. Ông Hùng còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm đối với Lê Văn Đông, Bùi Văn Xoa trong việc các đối tượng này lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Hùng và Công ty cổ phần Hùng Long.

Ngày 21/01/2014, bị cáo Huỳnh Thị Quai làm đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa sơ thẩm: hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Thị Quai thực hiện nhiều lần trót lọt đối với nhiều người bị hại là có sự giúp sức của một số người liên quan, nhưng trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã không điều tra làm rõ cụ thể:

-Huỳnh Thị Quai không phải là nhân viên của công ty TNHH Đông Bắc nhưng ông Lê Văn Đông giám đốc công ty Đông Bắc đã tạo điều kiện về thủ tục giấy tờ và giao cho Huỳnh Thị Quai đi liên hệ mua bán phế liệu của các tổ chức và cá nhân khác bán lại cho công ty Hùng Long và các doanh nghiệp khác. Nhưng cơ quan điều tra và kiểm sát điều tra chưa điều

tra làm rõ vai trò của ông Lê Văn Đông có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Thị Quai để xử lý với ông Lê Văn Đông.

- Bùi Văn Xoa nhiều lần nói dối và chỉ dẫn các bị hại là sắt ở các xà lan là của Huỳnh Thị Quai mua mà Bùi Văn Xoa là người đang trông giữ các xà lan, làm cho các bị hại tin tưởng để chiếm đoạt tiền cọc của ông Ngô Anh Hùng và Lương Thành Đại, Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ việc cấu kết giữa Bùi Văn Xoa và Huỳnh Thị Quai dùng các thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các người bị hại. Việc không xử lý về trách nhiệm hình sự đối với Bùi Văn Xoa là bỏ lọt người lọt tội.

- Sau khi chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo Huỳnh Thị Quai yêu cầu các bị hại chuyển tiền vào tài khoản của chồng là Lưu Thiên Vĩnh. Lưu Thiên Vĩnh đã rút số tiền do Huỳnh Thị Quai chiếm đoạt để mua xe hơi và tiêu xài cá nhân nhưng Cơ quan điều tra không làm rõ về hành vi của Lưu Thiên Vĩnh là bỏ lọt người, lọt tội.

Qua vụ án trên, có thể thấy rằng, trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh đã không xác định đầy đủ đối tượng chứng minh, chưa xác định được hành vi của những người thực hiện tội phạm dẫn đến việc chứng minh thiếu sót, bỏ lọt tội phạm.

** Vấn đề chứng minh tình tiết: “Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra”. Cơ quan điều tra còn có những hạn chế sau:*

Vụ án thứ 5: Trong chứng minh vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, việc chứng minh giá trị tài sản vừa là căn cứ định tội, vừa là căn cứ định khung hình phạt, tuy nhiên việc xác định đối tượng chứng minh thuộc về hậu quả của tội phạm này chưa được chính xác dẫn đến xử lý sai lầm trong vụ án như vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại địa bàn Quận 9, nội dung vụ án như sau: Nguyễn Thị Tuyết Ngọc là kế toán công ty cổ phần đầu tư giáo dục Cleverlearn trụ sở tại Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh do anh Vũ Văn Tuấn làm giám đốc. Ngày 23/6/2011 anh Tuấn giao cho Ngọc số tiền

90.000.000 đồng của công ty để Ngọc lập sổ tiết kiệm lấy lãi suất theo năm, do thiếu tiền tiêu xài Ngọc đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên bằng cách lập sổ tiết kiệm giả và chiếm đoạt số tiền 90.000.000 đồng, do trước đây Ngọc từng là nhân viên ngân hàng nên mọi thủ tục lập sổ tiết kiệm giả Ngọc thực hiện trót lọt. Ngày 25/5/2012 do sắp tới kỳ nhận lãi ngân hàng anh Tuấn hỏi Ngọc thì Ngọc báo số tiền lãi và gốc ngân hàng sẽ trả 95.760.000 đồng, anh Tuấn tiếp tục giao cho Ngọc số tiền 100.000.000 đồng để Ngọc lập sổ tiết kiệm gửi ngân hàng và gửi cộng với số tiền được ngân hàng trả lãi và gốc. Vẫn với thủ đoạn cũ Ngọc thực hiện chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của công ty do anh Tuấn giao. Đầu tháng 6 năm 2013, do cần tiền để hoạt động, anh Tuấn báo với Ngọc đến kỳ nhận lãi ngân hàng thì rút cả gốc lẫn lãi về. Số tiền lúc đó theo Ngọc báo là 208.000.000 đồng, tuy nhiên mấy ngày sau, Ngọc đã tự ý nghỉ việc và bỏ trốn, cắt đứt mọi liên lạc. Anh Tuấn liền trình báo vụ việc lên Công an Quận 9 để tố cáo Ngọc đã lừa đảo chiếm đoạt của mình số tiền 208.000.000 đồng. Cơ quan điều tra Công an Quận 9 khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Tuyết Ngọc, sau khi điều tra, kết luận điều tra đề nghị Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 truy tố Ngọc theo Khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự vì cho rằng số tiền Ngọc chiếm đoạt là trên 200.000.000 đồng. Phần dân sự, yêu cầu Ngọc bồi thường cho anh Tuấn số tiền 208.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 đã trả hồ sơ đề nghị điều tra bổ sung vì không có căn cứ xác định số tiền bị Ngọc chiếm đoạt là 208.000.000 đồng. Rõ ràng, trong vụ án này, Cơ quan điều tra đã xác định không chính xác đối tượng chứng minh về mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra, từ đó đã định sai khung hình phạt đối với Nguyễn Thị Tuyết Ngọc, dẫn đến phần dân sự cũng xác định không chính xác số tiền Ngọc phải bồi thường.

** Vấn đề chứng minh: “Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo”. Những sai sót, tồn tại thể hiện qua vụ án sau:*

Vụ án thứ 6: Ở vụ án này, Cơ quan điều tra đã không chứng minh đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản dẫn đến xác định không chính xác trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội như vụ án Nguyễn Thị Bích phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn quận Bình Thạnh, nội dung vụ án như sau:

Nguyễn Thị Bích, sinh năm 1985, trú tại quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh là nhân viên công ty môi giới bất động Trường An có trụ sở tại quận Gò Vấp, do thông thạo các thủ tục giấy tờ nhà đất, Bích đã làm một bộ giấy tờ mua bán chung cư giả mạo, dùng để thế chấp vay vốn ngân hàng số tiền 500 triệu đồng. Quá trình điều tra, sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, mặc dù Bích có địa chỉ cư trú rõ ràng, tuy nhiên xét thấy Bích có khả năng bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đề nghị áp dụng biện pháp bắt tạm giam đối với Bích, Viện kiểm sát nhân dân quận 9 đã phê chuẩn quyết định. Tuy nhiên khi áp dụng, luật sư bảo vệ cho Bích đề nghị hủy áp dụng biện pháp tạm giam do Bích đã có thai được 1 tháng. Viện kiểm sát nhân dân đã quyết định hủy biện pháp bắt tạm giam đối với Bích căn cứ theo Khoản 2 Điều 88 Bộ luật TTHS năm 2003.

Rõ ràng, trong vụ án này, Cơ quan điều tra đã chưa chứng minh đầy đủ tình tiết để làm căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can Bích cho nên việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đã không chính xác.

Ngoài những vấn đề thiếu sót như đã nêu, liên quan đến xác định đối tượng chứng minh như trên còn có những vụ án có sự chứng minh thiếu sót dẫn đến việc chứng minh các vấn đề khác, ảnh hưởng đến tính khách quan trong điều tra vụ án như: vụ án Nguyễn Tấn Bình, có hành vi dùng sừng tê giác giả để bán cho ông Lê Văn Thiết chiếm đoạt số tiền 500 triệu đồng, vụ

án xảy ra tại quán cà phê Hương Xưa trên địa bàn quận Bình Tân, chủ quán là Lê Ngọc Định làm chứng giao dịch giữa ông Thiết và Bình, Cơ quan điều tra đã dùng lời khai của ông Định làm chứng cứ chứng minh vụ án, tuy nhiên đã không làm rõ mối quan hệ giữa ông Thiết và Định, khi xét xử, Tòa án hỏi về mối quan hệ này, Định mới khai, mình là cháu ruột của ông Thiết, tuy nhiên Cơ quan điều tra trong quá trình lấy lời khai đã không hỏi để làm rõ tình tiết này.

Những tồn tại thiếu sót liên quan đến đối tượng chứng minh khi Cơ quan điều tra chưa xác định đầy đủ đối tượng chứng minh là khá phổ biến, nổi bật trong đó là việc thiếu những tình tiết cần thiết dẫn đến xác định sai lệch sự thật vụ án, kéo theo những sai lầm trong thủ tục tố tụng hình sự ở các giai đoạn tiếp theo.

3.1.3. Nguyên nhân của những hạn chế về xác định đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

3.1.3.1. Nguyên nhân từ quy định của pháp luật TTHS

Trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra áp dụng những quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 để làm căn cứ chứng minh trong giai đoạn 2011-2015. Tác giả nhận thấy những quy định tại Điều 2003 còn tồn tại những hạn chế như: Việc quy định những vấn đề phải chứng minh trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 còn quy định chưa đầy đủ và cụ thể, khiến cho Cơ quan điều tra gặp khó khăn trong việc áp dụng.

Tại Khoản 1 Điều 63 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 có quy định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự: “*Có hành vi tội phạm xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội*”. Theo tác giả, quy định như vậy có nội hàm rất rộng, khó khăn cho Cơ quan điều tra trong việc xác định những vấn đề cần chứng minh

trong vụ án. “*Những tình tiết khác của hành vi phạm tội*” theo ý đồ của nhà làm luật thì đó là một quy định mở, tuy nhiên trên thực tế nó cũng gây khó khăn cho Cơ quan điều tra trong việc tiến hành điều tra, khi chưa xác định được tình tiết khác của hành vi phạm tội bao gồm những gì. Dẫn đến quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chứng minh cả những tình tiết không có ý nghĩa giải quyết vụ án mặc dù thực tế nó có diễn ra và xem nó là tình tiết khác của vụ án, rõ ràng đó là một cách hiểu không chính xác. Qua nghiên cứu quy định tại Bộ luật TTHS năm 2015 thì những vấn đề trên vẫn chưa có sự thay đổi về quy định.

Tại khoản 2 Điều 63 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định tình tiết cần chứng minh thuộc mặt chủ quan và chủ thể của tội phạm đó là: “*Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý...*”. Đây là quy định hợp lý, tuy nhiên về mặt thuật ngữ, ai ở đây chỉ một người, có nghĩa quy định về tình tiết trên chỉ đúng với tội phạm do một người thực hiện. Vụ án có đồng phạm thì thuật ngữ đó không còn chính xác. Khi áp dụng điều khoản này, Cơ quan điều tra dễ bị thiếu sót trong vấn đề xác định trách nhiệm hình sự của những người có liên quan, dễ bỏ lọt tội phạm. Vấn đề này Bộ luật TTHS năm 2015 vẫn chưa có quy định khác so với Bộ luật TTHS năm 2003.

Chứng minh những tình tiết có liên quan đến trách nhiệm hình sự và hình phạt được quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 63 Bộ luật TTHS năm 2003 bao gồm: “*Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm nhân thân của bị can, bị cáo; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra*”. Quy định này là hợp lý, tuy nhiên tại Điều 63 Bộ luật TTHS năm 2003 không quy định chứng minh những vấn đề khác cũng liên quan đến trách nhiệm hình sự và hình phạt như tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự và hình phạt. Dẫn đến trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thường hay chứng

minh thiếu vấn đề này và giải quyết không chính xác vụ án hình sự. Khi kết luận điều tra, chuyển Viện kiểm sát truy tố thì bị trả hồ sơ đề nghị điều tra bổ sung hoặc bị đình chỉ vụ án. Vấn đề này Bộ luật TTHS năm 2015 đã có sự bổ sung hoàn thiện, cụ thể, đã quy định tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự và hình phạt. Theo tác giả, như vậy là hợp lý.

Một vấn đề bất cập nữa đó là, quá trình điều tra chứng minh vụ án, Cơ quan điều tra căn cứ vào những quy định vào nội dung chứng minh được quy định trong Bộ luật TTHS để xác định phạm vi chứng minh. Tuy nhiên như vậy là chưa đủ bởi để giải quyết đúng đắn vụ án, xác định sự thật khách quan của vụ án một cách đầy đủ nhất thì Cơ quan điều tra phải chứng minh những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án hình sự, những tình tiết khác ở đây không được quy định tại Điều 63 Bộ luật TTHS mà được quy định rải rác trong các điều luật khác của Bộ luật TTHS thậm chí được quy định trong Bộ luật hình sự, do đó về mặt nội dung, Bộ luật TTHS còn thiếu nhiều những quy định về đối tượng chứng minh do đó chưa tạo được cơ sở pháp lý tốt để Cơ quan điều tra nhận thức thống nhất những vấn đề phải chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó cần quy định cụ thể hơn những vấn đề chứng minh thuộc về dấu hiệu bắt buộc của tội phạm như mặt khách quan, mặt chủ quan, khách thể và chủ thể của tội phạm để cơ quan điều tra có cơ sở rõ ràng hơn trong việc xác định phạm vi chứng minh để phạm vi chứng minh không quá rộng cũng như không quá hẹp, đủ để làm sáng tỏ vụ án. Những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự chưa được quy định đầy đủ trong một điều luật mà còn quy định rải rác sẽ rất khó cho các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là Cơ quan điều tra xác định đầy đủ được những vấn đề cần chứng minh. Qua nghiên cứu quy định vấn đề này tại Bộ luật TTHS năm 2015 vẫn chưa có quy định khác so với Bộ luật TTHS năm 2003.

3.1.3.2. Nguyên nhân từ chủ thể áp dụng pháp luật

Chủ thể tiến hành hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra thuộc về Cơ quan điều tra các cấp mà Điều tra viên là người đại diện cho Cơ quan điều tra tiến hành các thủ tục theo luật định nhằm giải quyết vụ án. Những năm qua, do tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều thủ đoạn mới, tinh vi, Cơ quan điều tra chưa có nhiều kinh nghiệm điều tra đối với thủ đoạn mới này; nhiều vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản có quy mô phạm tội rất lớn, số tài sản chiếm đoạt lên đến hàng ngàn tỉ đồng; nhiều vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản do nhiều đối tượng thực hiện, có sự phân công vai trò giữa những đối tượng này rất tinh vi, sau khi thực hiện tội phạm chúng xóa dấu vết rất chuyên nghiệp, có nhiều thủ đoạn đối phó với Cơ quan điều tra, vì vậy gây không ít khó khăn cho Cơ quan điều tra trong việc xác định những vấn đề phải chứng minh để giải quyết vụ án, bởi có những vụ án có quá nhiều vấn đề phải chứng minh, những vấn đề này đều có độ phức tạp cao.

Đội ngũ Điều tra viên được phân công điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhìn chung ngày càng được nâng cao về trình độ, năng lực và ý thức trách nhiệm. Chất lượng điều tra vụ án ngày càng nâng lên nhưng vẫn còn những cán bộ có trình độ năng lực hạn chế, không được đào tạo bài bản, ý thức trách nhiệm trong công tác chưa cao.

Nhận thức về lý luận chứng minh trong tố tụng hình sự của một số điều tra viên các cấp khi được phân công điều tra vụ án còn hạn chế, không nắm vững quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ trong vụ án. Đặc biệt điều tra viên chưa nắm rõ quy định những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự dẫn đến chưa xác định được giới hạn chứng minh, việc chứng minh chưa đầy đủ. Có trường hợp xác định những vấn đề chứng minh một cách tùy tiện theo kinh nghiệm cá nhân, dẫn đến những sai sót trong chứng minh vụ án.

Một số điều tra viên chưa nắm rõ quy định của Bộ luật hình sự về các vấn đề lý luận chung như khái niệm tội phạm, lỗi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, đặc biệt là chưa nắm rõ cấu thành tội phạm cụ thể nói chung, cấu thành tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng. Không thường xuyên được cập nhật các văn bản pháp quy. Do đó trong quá trình điều tra còn có nhận thức nhầm lẫn giữa các tội phạm, đặc biệt, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản có các dấu hiệu dễ bị nhầm lẫn đối với tội làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, cho nên quá trình xác định đối tượng chứng minh nếu không chính xác và đầy đủ thì điều tra viên rất dễ định tội danh sai, quá trình điều tra do đó cũng bị lạc hướng.

Kỹ năng nghiệp vụ điều tra của một số điều tra viên còn hạn chế, tinh thần trách nhiệm làm việc chưa cao, thiếu chủ động sáng tạo. Đối phó với những đối tượng phạm tội có trình độ hiểu biết, có thủ đoạn gian xảo, đòi hỏi những điều tra viên thụ lý vụ án phải có trình độ nghiệp vụ cao, có kinh nghiệm điều tra và phải luôn ứng phó sáng tạo trước những tình huống gặp phải thì mới có thể chứng minh được hành vi phạm tội của họ.

Có trường hợp, Điều tra viên do động cơ vụ lợi cá nhân mà cố tình làm sai lệch bản chất vụ án, như trường hợp bỏ qua một số chứng cứ quan trọng để hướng việc chứng minh vụ án sang tội phạm khác có lợi cho mình, như trường hợp từ tội tham ô tài sản chứng minh thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hoặc từ tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chứng minh thành tội làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Sự thiếu đôn đốc của lãnh đạo quản lý khiến cho công tác điều tra bị trì trệ, chưa đạt hiệu quả cao, chưa kịp thời xử lý các tiêu cực xảy ra.

Ngoài ra còn một số nguyên nhân khác như:

Do trình độ dân trí cũng như ý thức pháp luật của người dân còn chưa cao, ý thức phòng chống tội phạm còn hạn chế, thêm vào đó công tác

tuyên truyền pháp luật chưa phát huy hiệu quả, khiến cho người dân có tâm lý e sợ tội phạm, không muốn đấu tranh tố giác tội phạm, chưa thiện chí cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra, sợ bị đối tượng trả thù nên nhiều trường hợp không dám tố giác với Cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của tội phạm đối với mình, hoặc họ từ chối thực hiện yêu cầu của cơ quan điều tra, không có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, gây khó khăn cho Cơ quan điều tra trong việc chứng minh tội phạm.

Trang thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật phục vụ cho hoạt động điều tra còn thiếu khoa học, thô sơ và lạc hậu. Trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vật chứng của tội phạm này rất phong phú, đa dạng và phức tạp, đó có thể là các văn bản giấy tờ liên quan đến tội phạm, đó có thể là hệ thống sổ sách kế toán vô cùng tinh vi; cũng có khi là hệ thống máy móc hiện đại tiên tiến hoặc là dữ liệu thông tin trên máy tính .v.v... để thu thập được những cứ đó, đòi hỏi phải có những phương tiện chuyên dụng và hiện đại, nếu như Cơ quan điều tra chỉ sử dụng những hình thức khám nghiệm, thu thập dấu vết theo phương pháp truyền thống thì không thể thu thập được chứng cứ chứng minh vụ án.

3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

3.2.1 Sự cần thiết của việc nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm được Đảng và nhà nước hết sức quan tâm chỉ đạo thực hiện trong những năm qua, bởi tình hình trật tự an toàn xã hội được đảm bảo tạo tiền đề cho người dân phát triển kinh tế, thúc đẩy đất nước ngày càng phát triển. Để công tác phòng chống tội phạm được hiệu quả và thống nhất, có bước chuyển biến mới, Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về “*Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”. Nghị quyết đã đề ra các chủ trương

trương mang tính đột phá tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tư pháp. Xây dựng một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, hiệu quả góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tiếp đó Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về “*Chiến lược hoàn thiện và xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*”. Nghị quyết đặt ra mục tiêu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết cũng nêu lên là phải đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật. Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” cũng đề ra mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý.

Có thể nói, công tác xây dựng luật là công tác cấp bách trong giai đoạn hiện nay để phục vụ cho việc hội nhập quốc tế của đất nước, chất lượng hoạt động tư pháp đã được nâng cao, tuy nhiên trong những năm vừa qua, hoạt động tư pháp còn gặp phải nhiều vấn đề sai sót, nhất là tình trạng oan sai nổi lên khiến cho dư luận không khỏi nghi ngờ về năng lực điều tra của Cơ quan điều tra, gây ra tình trạng mất niềm tin của người dân đối với cơ quan nhà nước. Chính vì vậy vấn đề nâng cao hiệu quả chứng minh trong điều tra đối với vụ án hình sự nói chung cũng như chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản đặt ra cấp bách.

3.2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

3.2.2.1. Giải pháp hoàn thiện quy định của Bộ luật TTHS

Đánh giá thực tiễn đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015, thời điểm đó, Cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào những quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 và Bộ luật Hình sự

năm 1999 để làm căn cứ pháp lý giải quyết vụ án. Từ căn cứ thực tiễn đó, tác giả nêu những quan điểm của mình về hướng hoàn thiện Bộ luật Hình sự năm 2003. So với Bộ luật TTHS năm 2015, những quan điểm đó có thể không mới nhưng đó cũng là quan điểm của tác giả đối với những quy định mới của Bộ luật TTHS năm 2015, đồng tình hay không đồng tình với quy định mới, trên cơ sở đó, tác giả cũng có những quan điểm riêng của mình để tiếp tục hoàn thiện quy định Bộ luật TTHS năm 2015.

Bộ luật TTHS chính là cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động tố tụng. Trong quá trình điều tra vụ án hình sự cũng vậy, Để xác định những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự, Cơ quan điều tra phải căn cứ vào quy định tại Bộ luật TTHS. Để nâng cao chất lượng cải cách tư, tránh việc tùy tiện trong xử lý vụ việc hình sự, tránh oan sai, ảnh hưởng đến quyền lợi công dân, Bộ luật TTHS năm 2015 còn quy định rõ: “Không được giải quyết nguồn tin tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử ngoài những căn cứ và trình tự thủ tục, thủ tục do Bộ luật TTHS quy định”. Như vậy, ngoài quy định chung tại Hiến pháp, quy định tại Bộ luật TTHS là căn cứ pháp lý cao nhất để cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng khi tiến hành các hoạt động tố tụng, mọi quy định khác về hoạt động tố tụng không được trái với quy định tại Bộ luật TTHS.

Bộ luật TTHS có điều luật riêng quy định về đối tượng chứng minh, đó là Điều 63 Bộ luật TTHS năm 2003 và Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015. Quan nghiên cứu những quy định tác giả nhận thấy, Điều 63 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định về đối tượng chứng minh mới chỉ dừng lại việc quy định định chứng minh những tình tiết phải chứng minh thuộc bản chất vụ án, những vấn đề chứng minh liên quan đến trách nhiệm hình sự và hình phạt mà chưa quy định phải chứng minh những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, bởi thực tế cơ quan tiến hành tố tụng còn phải chứng minh những vấn đề khác mà không được quy định tại Điều 63. Với vai trò là căn cứ trực tiếp để cơ quan tiến hành tố tụng dựa vào đó chứng minh các tình tiết vụ án thì theo tác giả, quy định trong điều luật này

phải vừa đầy đủ, cụ thể những tình tiết quan trọng, vừa đảm bảo logic khoa học, thống nhất và toàn diện những vấn đề phải chứng minh, nghĩa là Điều 63 cần có thêm một quy định mang tính dự liệu, bao quát toàn diện các vấn đề phải chứng minh, để khi áp dụng, cơ quan tiến hành tố tụng cũng như Cơ quan điều tra không hiểu máy móc, rập khuôn dẫn đến việc xác định đối tượng chứng minh không đầy đủ. Qua nghiên cứu quy định mới tại Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 chưa có quy định về điểm này, tác giả đề xuất bổ sung để hoàn thiện ở lần xây dựng luật TTHS tiếp theo.

Tại Khoản 1 Điều 63 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Khoản 1 Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đều có quy định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự: *“Có hành vi tội phạm xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội”*. Để hoàn thiện, cần nghiên cứu bổ sung quy định tại điều khoản này theo hướng chi tiết hơn, bổ sung thêm yêu cầu chứng minh về phương pháp, thủ đoạn thực hiện tội phạm của tội phạm đề cơ qua điều tra xác định rõ ràng và đầy đủ hơn vấn đề cần chứng minh thuộc mặt khách quan của tội phạm.

Tại khoản 2 Điều 63 Bộ luật TTHS năm 2013 và khoản 2 Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 đều nêu tình tiết cần chứng minh thuộc mặt chủ quan và chủ thể của tội phạm đó là: *“Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý...”*. Theo tác giả khoản này cần quy định thêm để hoàn thiện, tại Bộ luật Hình sự năm 2015, chủ thể thực hiện tội phạm còn có thể là pháp nhân thương mại, do đó quy định “ai” chưa thể hiện đầy đủ chủ thể tội phạm. Quy định này theo tác giả nên sửa thành “Những người nào hay pháp nhân thương mại nào thực hiện tội phạm” thì mới đầy đủ.

Chứng minh những tình tiết có liên quan đến trách nhiệm hình sự và hình phạt được quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 63 Bộ luật TTHS năm 2003 và khoản 3, 4 Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 gồm *“Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc*

điểm nhân thân của bị can, bị cáo; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra”. Quy định này là hợp lý, qua nghiên cứu thấy rằng tại Điều 63 Bộ luật TTHS năm 2003 không quy định chứng minh những vấn đề khác cũng liên quan đến trách nhiệm hình sự và hình phạt như tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự và hình phạt như vậy là chưa đầy đủ, cần bổ sung thêm vào quy định. Tuy nhiên, điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 đã bổ sung việc chứng minh các tình tiết này, theo tác giả như vậy là đã hợp lý.

Để có đường lối xử lý một cách đúng đắn nhất, thể hiện được tính nhân văn của chính sách hình sự, tạo điều kiện xây dựng biện pháp giáo dục phòng ngừa tội phạm hiệu quả nhất, Bộ luật TTHS nên quy định chứng minh tình tiết “nguyên nhân và điều kiện phạm tội”. Qua nghiên cứu quy định về đối tượng chứng minh tại Bộ luật TTHS năm 2015, cụ thể tại Điều 85 đã có quy định chứng minh tình tiết “Nguyên nhân và điều kiện phạm tội”, theo tác giả đây là hướng bổ sung hoàn thiện hợp lý.

Từ sự phân tích lý luận trên, tác giả đề xuất hoàn thiện quy định tại Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 như sau:

“Điều 85: Những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự

Khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh:

1. Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm, **phương thức, thủ đoạn** và những tình tiết khác của hành vi phạm tội **thuộc về cấu thành tội phạm**;

2. **Những người nào, pháp nhân thương mại nào thực hiện hành vi phạm tội**; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội;

3. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo;

4. Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra;

5. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội;

6. Những tình tiết có liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

7. Những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.”

3.2.2.2. Giải pháp nâng cao năng lực của chủ thể điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Hoạt động chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp thuộc địa bàn thành phố tiến hành. Thời gian vừa qua công tác điều tra vụ án hình sự, điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản đạt được hiệu quả, tuy nhiên cũng có thể thấy rằng có những sai sót, tồn tại thuộc về vấn đề cán bộ cho nên trong thời gian tới, để cải cách hoạt động tư pháp cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án thì cần phải đổi mới công tác, kiện toàn công tác cán bộ đáp ứng công tác trong tình hình mới.

Trước hết cần kiện toàn tổ chức, biên chế cơ quan điều tra các cấp. Thực trạng đội ngũ điều tra viên các cấp còn thiếu về số lượng, trình độ chuyên môn chưa đồng đều, trước mắt cần bổ sung số lượng điều tra viên đáp ứng công tác điều tra chứng minh vụ án trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Theo số liệu thống kê thì hiện đội ngũ Điều tra viên còn thiếu so với yêu cầu, đặc biệt là ở Cơ quan điều tra công an cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng đội ngũ điều tra viên các cấp có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp giỏi. Có thể thấy, yếu tố con người là yếu tố quyết định sự thành công trong mọi công tác, đặc biệt công tác điều tra, chứng minh trong vụ án hình sự càng đặt ra yêu cầu cao đối với cán bộ. Bởi đây là lĩnh vực công tác khó khăn, phức tạp, cán bộ ngoài phẩm chất đạo đức tốt thì cần có năng lực chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm mới hoàn thành được nhiệm vụ nhà nước giao. Để có đội ngũ điều tra viên đáp ứng yêu cầu công tác, trước hết Công an thành phố Hồ

Chí Minh phải làm tốt công tác tuyển chọn và bổ nhiệm Điều tra các cấp, chọn những người có phẩm chất tốt, có năng lực trong lĩnh vực điều tra. Thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn và trình độ kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ Điều tra viên các cấp. Phân công công tác theo đúng năng lực và sở trường của từng người.

Có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với Điều tra viên để tạo điều kiện cho họ an tâm công tác, cống hiến hết mình cho công việc. Đặc biệt là khen thưởng kịp thời, biểu dương những thành tích xuất sắc

Ngoài ra cần đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho cơ quan Điều tra và Điều tra viên. Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật ngày nay, tội phạm cũng theo đó mà có những phương thức thủ đoạn hiện đại hơn, tinh vi hơn. Cơ quan điều tra, điều tra viên nếu chỉ dùng những phương tiện kỹ thuật thô sơ lạc hậu thì không đáp ứng được yêu cầu chứng minh nhanh chóng, do đó phải hướng tới trang bị cho Cơ quan điều tra những trang thiết bị hiện đại. Như phương tiện giao thông, liên lạc, máy vi tính, phương tiện khám xét .v.v... những phương tiện trên sẽ hỗ trợ đắc lực cho Cơ quan điều tra trong chứng minh tội phạm.

Để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, cần áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp thì mới đạt hiệu quả tốt nhất, ngoài những giải pháp thuộc về vấn đề quy định của pháp luật, giải pháp liên quan đến yếu tố con người thì cần phải thực hiện những vấn đề sau:

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật đặc biệt phổ biến cho mọi người về phương thức, thủ đoạn của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thực hiện có hiệu quả các biện pháp nhằm đảm bảo cho mọi người tham gia tích cực vào việc điều tra, chứng minh tội phạm. Thực hiện tốt công tác xử lý tin báo các vụ việc có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản để có hướng xử lý kịp thời, vận động người dân tích cực tham gia hòm thư góp ý, hòm thu tố giác tội phạm và có biện pháp bảo vệ an toàn cho người tố giác, cung cấp thông tin về vụ việc. Có hình thức động viên, khen thưởng kịp thời bằng cả tinh thần lẫn vật chất đối với những người có hành động tích cực đấu tranh với tội phạm.

KẾT LUẬN

Tóm lại, qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: “Chứng minh trong điều tra vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh” cho phép tác giả rút ra một số kết luận chung dưới đây:

Chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản bao gồm nhiều vấn đề như: đối tượng chứng minh; nghĩa vụ chứng minh; quá trình chứng minh; phạm vi và giới hạn chứng minh, trong khuôn khổ luận văn tác giả không thể nghiên cứu chuyên sâu tất cả những vấn đề trên mà chỉ nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề phải chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bởi việc xác định đúng đắn đối tượng chứng minh có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc giải quyết đúng đắn vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Để xác định đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản Cơ quan điều tra căn cứ vào quy định đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự trong luật TTHS, nó bao gồm rất nhiều vấn đề, có vấn đề bắt buộc phải chứng minh trong bất kỳ vụ án hình sự nào, có những vấn đề đòi hỏi chứng minh tùy thuộc vào vụ án cụ thể, có thể phân loại chúng thành: Những vấn đề phải chứng minh thuộc về yếu tố cấu thành tội phạm; những vấn đề phải chứng minh có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự và hình phạt; những vấn đề chứng minh là những tình tiết khác có liên quan đến việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Đối tượng chứng minh trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng vậy, có những vấn đề phải chứng minh thuộc bản chất vụ án như hành vi, lỗi, phương pháp, thủ đoạn, tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản .v.v...; có những vấn đề chứng minh có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự như tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; có những tình tiết

phải chứng minh khác nhằm giải quyết đúng đắn vụ án. Trong đối tượng chứng minh tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần chú ý đến đặc điểm bắt buộc như: thủ đoạn phạm tội phải là hành vi gian dối, mục đích phải là mục đích chiếm đoạt tài sản, và bắt buộc phải xác định được mức độ thiệt hại có nghĩa là chứng minh được tài sản bị chiếm đoạt có giá trị bao nhiêu.

Qua nghiên cứu thực tiễn việc chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả nhận thấy, công tác chứng minh vụ án hình sự của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng có hiệu quả quy định về đối tượng chứng minh từ đó xác định đúng phạm vi chứng minh, điều tra, khám phá vụ án tỉ lệ phá án đạt cao. Tuy nhiên vẫn tồn tại những mặt hạn chế trong việc xác định đối tượng chứng minh, dẫn đến một số vụ án đạt kết quả không tốt.

Do đó, Trong quá trình điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, việc xác định đúng phạm vi đối tượng chứng minh, tức là xác định đúng trong vụ án đó cần phải chứng minh những vấn đề gì và chứng minh đầy đủ vấn đề đó có ý nghĩa quan trọng. Nó vừa đảm bảo giải quyết vụ án đúng đắn, vừa là cơ sở cho việc điều tra chứng minh vụ án được tập trung, nhanh chóng, kịp thời, tránh được tình trạng thu thập chứng cứ và chứng minh tràn lan cả những vấn đề không có liên quan đến vụ án, từ đó rút ngắn được thời gian và chi phí cho việc điều tra giải quyết vụ án.

Để xác định đúng và đầy đủ phạm vi những vấn đề phải chứng minh trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản đòi hỏi Cơ quan điều tra phải nắm vững những quy định của luật TTHS về đối tượng chứng minh và những quy định của Bộ luật Hình sự về những vấn đề liên quan đến đối tượng chứng minh, vai trò, ý nghĩa của từng vấn đề đối với việc giải quyết vụ án.

Qua nghiên cứu quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 và Bộ luật TTHS năm 2015 về đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự cho thấy,

những quy định về đối tượng chứng minh của Bộ luật này còn nhiều bất cập, đây cũng là nguyên nhân gây ra những hạn chế, thiếu sót trong giải quyết những vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến đối tượng chứng minh thời gian qua.

Để khắc phục tồn tại sai sót đó cần thực hiện nhiều giải pháp như: Giải pháp hoàn thiện quy định của Bộ luật TTHS Việt Nam về đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự; Giải pháp nâng cao năng lực của chủ thể điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản; và một số giải pháp khác.

Trên đây là kết luận của tác giả sau quá trình nghiên cứu một cách khá sâu sắc về đối tượng chứng minh trong điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt trên cả phương diện lý luận khoa học luật TTHS lẫn phương diện thực tiễn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên do điều kiện nghiên cứu và khả năng có hạn. Trong khi nội dung đề tài nghiên cứu lại phức tạp nên chắc chắn bản luận văn không tránh được những sai sót. Tác giả mong được sự đóng góp nhận xét của các đồng nghiệp và các nhà nghiên cứu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số vấn đề nhiệm vụ trọng tâm của công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới.*
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020.*
3. Bộ Tư pháp Viện khoa học pháp lý (2000), *Từ điển luật học*, Nxb Bách khoa - Nxb Tư pháp, Hà Nội
4. Lý Văn Cẩn (2008), *Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Luận văn thạc sỹ luật học, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Công an thành phố Hồ Chí Minh (2011) , *Báo cáo kết quả công tác năm 2011 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2012.*
6. Công an thành phố Hồ Chí Minh (2012) , *Báo cáo kết quả công tác năm 2012 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2013.*
7. Công an thành phố Hồ Chí Minh (2013) , *Báo cáo kết quả công tác năm 2013 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2014.*
8. Công an thành phố Hồ Chí Minh (2014) , *Báo cáo kết quả công tác năm 2014 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2015.*
9. Công an thành phố Hồ Chí Minh (2015) , *Báo cáo kết quả công tác năm 2015 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2016.*
10. Nguyễn Văn Cừ (2005), *Chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
11. Đỗ Văn Dương (2006), *Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

12. Nguyễn Văn Du (2006), *Quá trình chứng minh trong vụ án hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học.
13. Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
14. Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Hậu (2010), *Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, luận văn cử nhân luật, Tp. Hồ Chí Minh
16. LêNin (1981), *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Hà Nội
17. Nxb Tư Pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Hà Nội
18. Đặng Quang Phương (2015), *Chứng cứ - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
19. Nguyễn Duy Thuân (2000), *Chứng minh trong Tố tụng hình sự - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Trần Thị Anh Thư (2012), *Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Khóa luận cử nhân luật, Tp. Hồ Chí Minh
21. Trần Quang Tiệp (2009), *Chế định chứng cứ trong Luật TTHS Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ tư pháp và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011), *Thông tư liên tịch số 01/2011 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng hình sự là người chưa thành niên*, Hà Nội.
23. Quốc hội (1988), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - phần chung*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
27. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - phần các tội phạm*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
28. Võ Khánh Vinh (2011), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
29. Nguyễn Như Ý (1988), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội